




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

 (028) 6250 8857

 (028) 3717 9934

 info@savimex.com

 www.savimex.com.vn



MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
Tên Tiếng Anh	Savimex Corporation
Mã cổ phiếu	SAV
Vốn điều lệ	139.237.730.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	271.437.027.545 đồng
Trụ sở chính	194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại	(028) 6250 8857
Fax	(028) 3717 9934
Email	info@savimex.com
Website	www.savimex.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	0302317892 Do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2001, thay đổi lần thứ 18 ngày 05/07/2019.



SAVIMEX CORPORATION
Faster – Better – Cheaper

“Với hơn 30 năm trong ngành đồ gỗ, trải qua quá trình đổi mới cùng đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, SAVIMEX là đơn vị chuyên sản xuất, gia công và xuất khẩu đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất theo phong cách hiện đại và cổ điển. Ngoài ra, Công ty không ngừng cải tiến để đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường lớn cũng như cung cấp những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Hợp tác với Công ty Japan Nippon Furniture (JNF) tiếp nhận dây chuyền sản xuất gỗ tinh chế sang Nhật Bản.

Thành lập nhà máy Savi - kỹ nghệ gỗ (Saviwoodtech), hợp tác với công ty Marunaka; Thành lập trung tâm xây dựng và phát triển nội thất để thực hiện các công trình trang trí nội thất, trang bị đồ gỗ cho nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng,...

Đây là giai đoạn hoạt động khởi sắc của Công ty và xác định vai trò hàng đầu của Công ty trong ngành chế biến gỗ ở Việt Nam về các mặt: công nghệ, quy mô, trình độ quản lý và chất lượng sản phẩm.

Khởi nghiệp

1985 - 1986

Công ty được thành lập ngày 29/8/1985 với tên gọi là Công ty hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu với Lào (SAVIMEX) với hoạt động khai thác gỗ, nhựa thông xuất khẩu và cung cấp các hàng công nghiệp tiêu dùng sang Lào.

1992

Đổi tên thành Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex; tên giao dịch quốc tế là Savimex Corporation.

1993

Thành lập SAVIDECOR chuyên hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, trang trí nội thất và sản xuất đồ gỗ nội thất chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước.



Mở rộng và đổi mới

1991

Đây là giai đoạn hoạt động khởi sắc của Công ty và xác định vai trò hàng đầu của Công ty trong ngành chế biến gỗ ở Việt Nam về các mặt: công nghệ, quy mô, trình độ quản lý và chất lượng sản phẩm.

1991 - 1999

Tích lũy

1987 - 1991

Mở rộng thị trường sang Liên Xô, Nhật, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan,... với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là ván sàn, gỗ tròn, gỗ xẻ,...

1994

1995

1997

SAVIMEX triển khai xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001.

1996

SAVIMEX triển khai 2 chương trình: cổ phần hóa và hiện đại hóa Công ty.



Trở thành và hội nhập

SAVIMEX tích cực tiến hành cổ phần hóa công ty và chuyển sang công ty cổ phần từ 01/06/2001; Công ty đồng thời triển khai chương trình hiện đại hóa để nâng cấp công ty, chuẩn bị thích ứng với giai đoạn hội nhập.

Chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán với mã cổ phiếu SAV; Nhà máy SATIMEX là Nhà máy chế biến gỗ đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO-14001.

Đầu tư một dây chuyền công nghiệp chế biến gỗ hoàn chỉnh từ tạo dáng đến khâu sơn (công nghệ sơn Enamel đạt độ bóng 100%) để sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Đầu tư thêm một nhà xưởng mới với dây chuyền chế biến gỗ hoàn chỉnh hiện đại nhập từ Nhật để sản xuất sản phẩm xuất khẩu cho thị trường Mỹ, EU và đồ gỗ trong nước; Hiện đại hoá công nghệ quản lý: triển khai vận hành ERP với phần mềm Oracle E-Business Suite (Special Edition).

Thành lập xí nghiệp sản xuất Bao bì Carton (SAVIPACK) với dây chuyền máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đài Loan.

Thành lập Công ty Liên doanh chế biến gỗ Champa - Savi tại Lào.

2000 - 2010

2001

2002

2003

2004

2007

2008



Hoàn thiện và phát triển

2011 - nay

2012 - 2013

Đầu tư từng bước để thay dần máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, lao động, nguyên vật liệu,...

2014

Được tập đoàn ELAND (Hàn Quốc) đầu tư với mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu về ngành đồ gỗ trong tương lai.

2016 - 2019

Công ty tăng vốn điều lệ từ 99.634.500.000 đồng lên 139.237.730.000 đồng hiện tại thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn nỗ lực phấn đấu với định hướng phát triển ổn định, bền vững trên mọi hoạt động.

Bằng khen của UBND Tp.HCM, về thành tích trong thực hiện kế hoạch năm 1995, theo quyết định 1189/TĐKT-UB ngày 1/4/1996;

Bằng khen của UBND Tp.HCM, về thành tích trong thực hiện kế hoạch năm 1996, theo quyết định 1123/BK-UB ngày 22/3/1997;

Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, vì thành tích trong công tác từ năm 1995-1997, theo quyết định 776/TTg ngày 24/8/1998;

Huân chương lao động hạng 3, vì đã có thành tích trong công tác từ năm 1995-1999, theo quyết định 378/KT/CT ngày 31/8/2000;

Giấy khen của Tổng Công ty thương mại Sài Gòn, về thành tích toàn diện “5 chỉ tiêu” theo quyết định 48/QĐ-TCTy ngày 13/2/2001;

UBND Tp.HCM tặng cờ truyền thống cho tập thể CB-CNV CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty ngày 29/08/2005;

Huân chương lao động hạng 2, vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2000-2004, theo quyết định 1339/2005/QĐ/CTN ngày 10/11/2005;

Sản phẩm Việt uy tín chất lượng năm 2006;

500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam năm 2007;

Đoàn Thanh niên SAV đạt giải thưởng “Nguyễn Văn Trỗi” dành cho những thanh niên công nhân tiêu biểu nhất của sự cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động, có nhiều sáng kiến cải tiến, đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng lao động, làm lợi cho doanh nghiệp và xã hội vào tháng 10 năm 2015;

Công nhận thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình **“Thương hiệu Quốc gia”**;

Bằng khen của Thủ tướng nước Cộng hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào về các hoạt động từ thiện;

Bằng khen của UBND Tp.HCM về công tác **“Đền ơn đáp nghĩa”**;

Bình chọn là **Sản phẩm công nghiệp chủ lực của Tp.HCM**;

Các chứng chỉ quốc tế: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; SA 8000

về trách nhiệm xã hội; chứng nhận bảo vệ rừng FSC.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



SAVIMEX là đơn vị chuyên sản xuất, gia công và xuất khẩu đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất theo phong cách hiện đại và cổ điển. Ngoài ra, SAVIMEX còn có một số đơn vị trực thuộc kinh doanh sản xuất ở nhiều lĩnh vực khác nhau:



SAVIPACK: sản xuất kinh doanh bao bì giấy, in trên bao bì khép kín... đáp ứng nhu cầu nội bộ công ty và các nhu cầu trong nước;



SAVIHOMES: chuyên chức năng giao dịch mua bán địa ốc, xây dựng dự án các khu dân cư, nhà ở và chung cư cho mọi đối tượng;



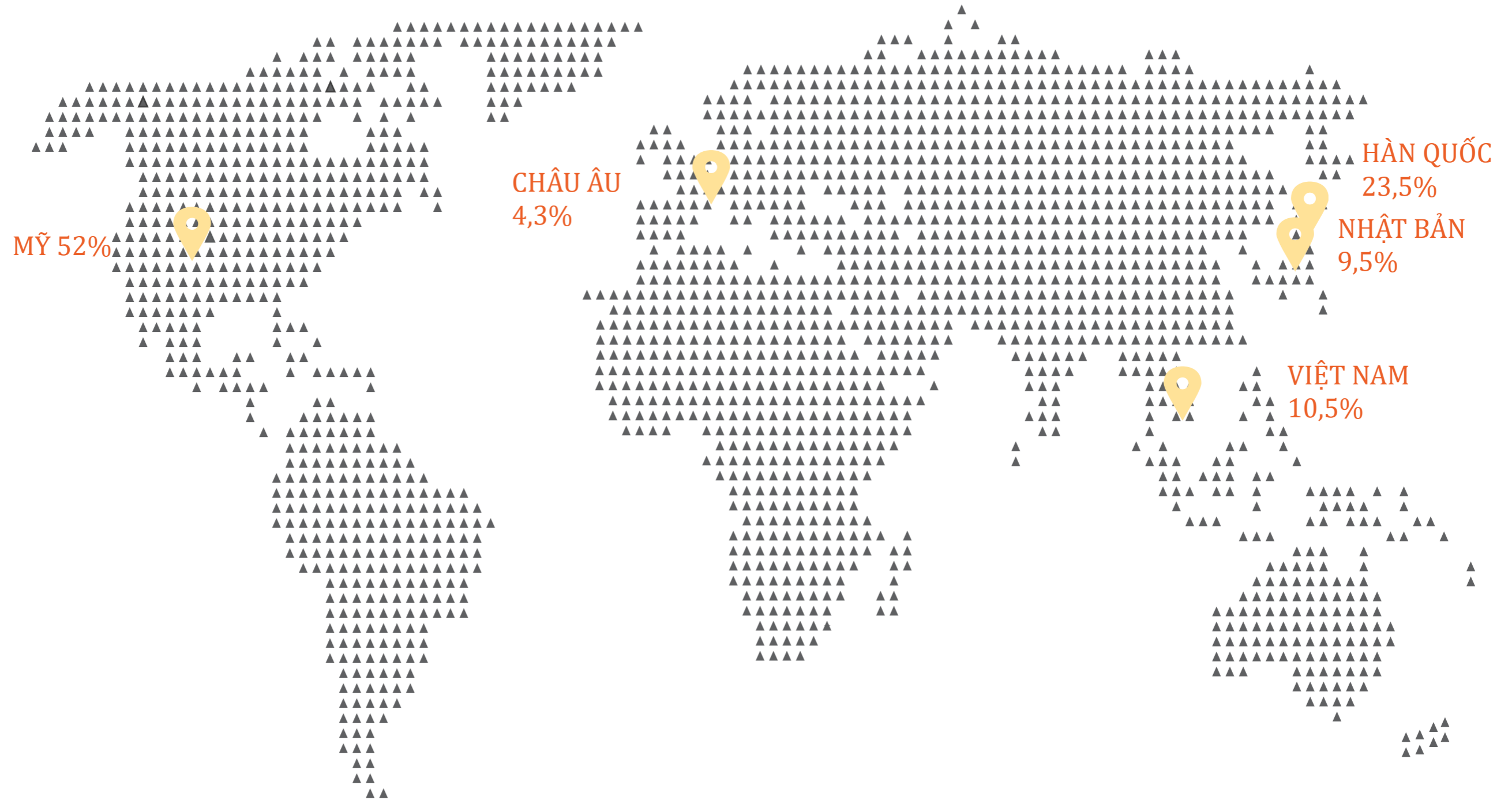
SAVIDECOR: chuyên đầu tư, thi công và trang trí nội ngoại thất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, khu công nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư;



CHAMPA-SAVI: đơn vị liên doanh tinh chế đồ gỗ xuất khẩu của tỉnh Champasak-Lào, giúp SAVIMEX có được nguồn nguyên liệu gỗ ổn định cho hoạt động sản xuất của các nhà máy tại Việt Nam.



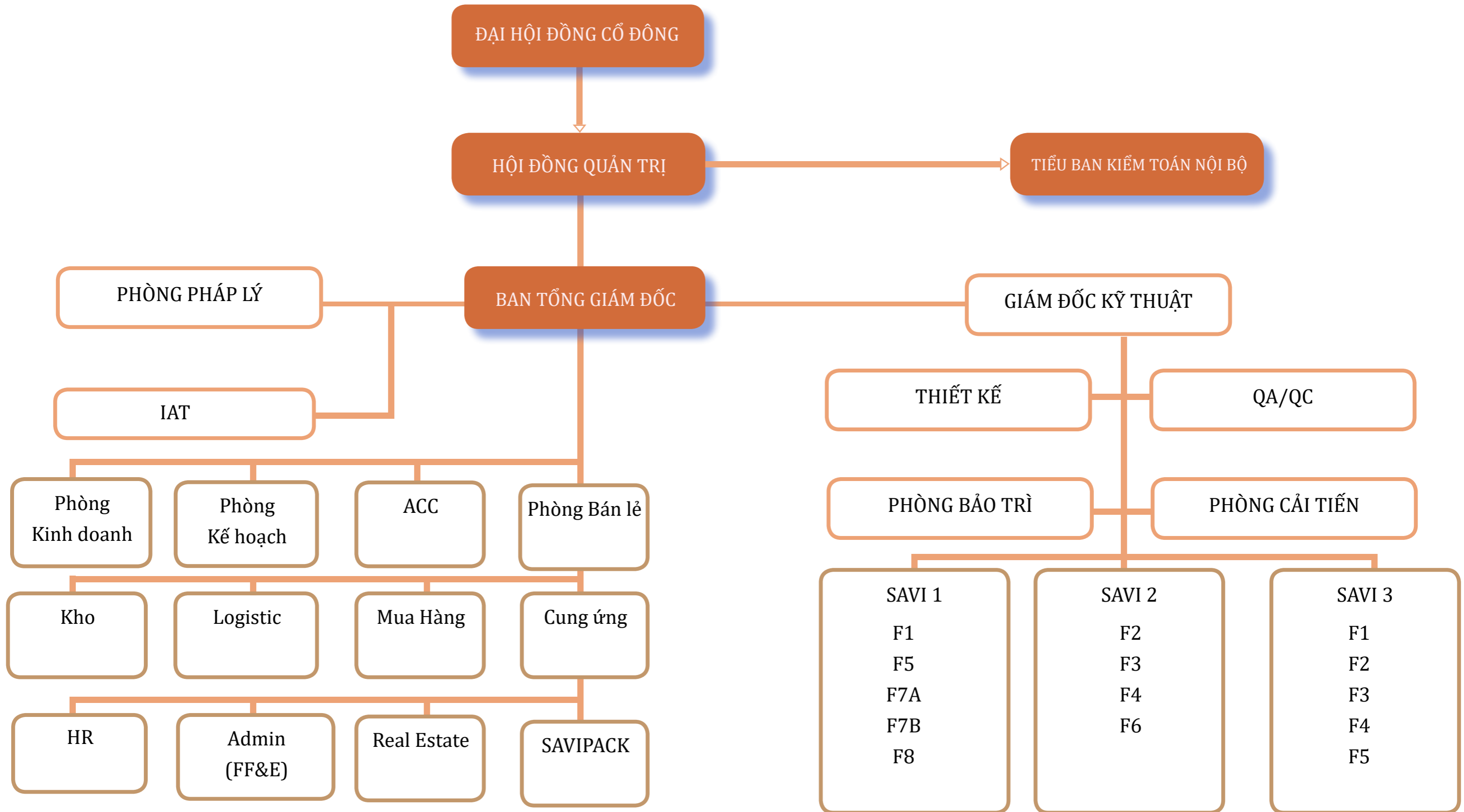
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



Sản phẩm của SAVIMEX đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường như: Mỹ, Nhật Bản, EU, Úc, Hàn Quốc,... Ngoài ra, SAVIMEX còn cung cấp thiết kế, trang trí nội thất và sản phẩm gỗ cho một số dự án tại các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đắk Nông. Với hơn 30 năm trong ngành đồ gỗ cùng đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty đang không ngừng đổi mới để cung cấp những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



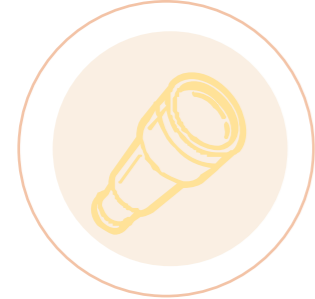
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

SỨ MỆNH



- Đối với khách hàng: Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao;
- Đối với nhân viên: Mang đến sự tự tin hơn trong cuộc sống cho nhân viên thông qua việc đóng góp đầy ý nghĩa của họ;
- Đối với cổ đông: Mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư, sự tin tưởng vào trí thức và tính chính trực của chúng tôi;
- Đối với cộng đồng, xã hội: Đóng góp nhiều hơn cho xã hội, đồng thời phát triển con người và kinh doanh trên nền tảng trí thức và tính chính trực.

TẦM NHÌN



Bằng cách làm việc sáng tạo hàng ngày, chúng tôi đang từng bước vững chắc tiến tới ước mơ trở thành một trong các công ty sản xuất đồ gỗ hàng đầu thế giới và là một trong những nơi cung cấp môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Phục vụ khách hàng: Khách hàng là thượng đế, cộng đồng là gia đình. Chúng tôi làm việc phục vụ khách hàng bằng hết tất cả đam mê và tính chính trực của mình;

Chính trực: Tích cực xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh;
Chủ động: Nắm bắt sự chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh luôn là tôn chỉ hàng đầu của chúng tôi;

Đam mê cho sự xuất sắc: Cá nhân xuất sắc sẽ khởi tạo công ty xuất sắc, gia đình xuất sắc, xã hội xuất sắc. Bằng cách làm việc sáng tạo không ngừng, chúng tôi hàng ngày đang hoàn thiện hơn những con người của mình;

Sẵn sàng chia sẻ và học hỏi: Tinh thần đoàn kết là yếu tố cốt lõi của mọi Công ty. Mọi cá nhân trong SAVIMEX đều nêu cao tinh thần đoàn kết, sẵn sàng chia sẻ, học hỏi lẫn nhau, cùng giúp nhau tiến bộ không ngừng.



01 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về trung hạn:

Trong bối cảnh thương mại quốc tế năm 2020 được dự báo suy giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, giá cả hàng hóa quốc tế, đặc biệt là giá nguyên liệu có xu hướng biến động mạnh. Bên cạnh đó, một số nước thắt chặt chính sách tiền tệ và bảo hộ thương mại để bảo vệ nền kinh tế trong nước. SAVIMEX xác định tập trung thực hiện các chiến lược sau:

- ✔ Tối ưu hóa quá trình sản xuất thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến tốc độ và hiệu quả, quản lý sản xuất bằng các phương pháp, máy móc hiện đại;
- ✔ Tập trung đẩy mạnh doanh thu hàng xuất khẩu, đầu tư phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu của thị trường trong nước;
- ✔ Quản lý hiệu quả chi phí vận hành nội bộ của Công ty;
- ✔ Khai thác hiệu quả các dự án bất động sản hiện tại của Công ty.

Về dài hạn:

Cải tiến năng lực nghiên cứu và phát triển hiện nay để đáp ứng yêu cầu thiết kế và phát triển các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng. Năm 2020, Công ty lên kế hoạch tiếp cận và phát triển thị trường các nước thành viên CPTPP. Đồng thời, Savimex đang tiếp tục phát triển thêm thị trường EU nhờ lợi thế của hiệp định EVFTA.



02 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty



- Khuyến khích người lao động tham gia hoạt động cải tiến sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường và lao động trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển nguồn nhân lực đặc biệt kế thừa cho Công ty;
- Hỗ trợ, đồng hành cùng các hoàn cảnh khó khăn của công nhân và người dân địa phương khu vực Công ty đặt nhà máy.





QUẢN TRỊ RỦI RO

Cùng với tình hình chung của thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam đang đối mặt với nhiều biến động về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội. Để đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra, hoạt động quản lý rủi ro càng được chú trọng, các rủi ro được theo dõi thường xuyên, đánh giá định kỳ. Nhiệm vụ chính của quản lý rủi ro là nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn, phát hiện những yếu tố ảnh hưởng theo hướng tích cực hay tiêu cực đến việc thực hiện mục tiêu, đưa ra những giải pháp để giúp Công ty đưa ra những quyết định hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu



Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu

Đặc thù của lĩnh vực xuất khẩu đồ gỗ là phụ thuộc rất lớn vào tăng trưởng của nền kinh tế, bởi khi kinh tế tăng trưởng sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu sử dụng các mặt hàng lâu bền như gỗ. Trong năm 2019, nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại cùng với căng thẳng kéo dài từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã trở thành cơ hội lẫn thách thức đối với lĩnh vực xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

Theo số liệu từ Bộ Công Thương, trong năm 2019, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đạt 6,95 tỷ USD, tăng 24,3% so với năm 2018. Sự tăng trưởng này phần lớn nhờ sự dịch chuyển các đơn hàng gỗ vào Việt Nam do chiến tranh thương mại kéo dài. Tuy nhiên, việc này cũng đi kèm với những rủi ro đến từ việc gian lận thương mại, khi các doanh nghiệp Trung Quốc đã tránh thuế xuất khẩu vào thị trường Mỹ bằng cách gắn mác các sản phẩm Việt Nam. Hành vi gian lận thương mại này có thể gây ra những tổn hại lớn cho ngành gỗ Việt Nam nói chung và SAVIMEX nói riêng.

Biện pháp kiểm soát

Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích tác động đến Công ty để có kế hoạch hành động kịp thời. Ngoài ra, Công ty thường xuyên cập nhật các hiệp định có lợi như CPTPP và EVFTA để tận dụng được cơ hội về thuế trong xuất khẩu gỗ.



QUẢN TRỊ RỦI RO



Rủi ro pháp luật

Là Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) nên Công ty phải tuân thủ các văn bản luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác tại Sở. Bên cạnh đó, sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là gỗ nội thất cũng như thị trường chủ yếu là xuất khẩu, nên Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng bởi Luật Xuất nhập khẩu, Luật Thương mại Quốc tế, Luật môi trường cũng như các chính sách thương mại tại các quốc gia xuất khẩu.

Biện pháp kiểm soát

Nhận thấy được những tác động của các văn bản luật đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên Công ty đã có những biện pháp thiết thực như luôn theo dõi, cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất, luôn tổ chức các buổi phổ biến về Luật cho nhân viên của Công ty, cũng như đưa ra những chính sách phù hợp với các quy định mới.

Rủi ro tỷ giá

Các sản phẩm nội thất của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU,..., trong đó thị trường lớn nhất là Mỹ chiếm hơn 50%, đồng thời Công ty cũng nhập khẩu các loại máy móc, phụ tùng phục vụ cho việc sản xuất. Vì vậy, mọi biến động trong tỷ giá đều sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Biện pháp kiểm soát

Nhận thấy được những tác động của các văn bản luật đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên Công ty đã có những biện pháp thiết thực như luôn theo dõi, cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất, luôn tổ chức các buổi phổ biến về Luật cho nhân viên của Công ty, cũng như đưa ra những chính sách phù hợp với các quy định mới.

Rủi ro tỷ giá

Nguyên vật liệu chính đầu vào của Công ty là các loại gỗ có nguồn gốc từ cao su, tràm, thông và các loại ván ép MDF, MFC, veneer,... Trong khi đó, giá các nguyên vật liệu này thường xuyên biến động theo cung cầu thị trường, hoặc có thể xảy ra nguy cơ gián đoạn sản xuất do không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.



Biện pháp kiểm soát

Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên dự báo tình hình giá cả thị trường, quản lý toàn bộ kho, đánh giá và quản lý nhà cung cấp và có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý để phòng tránh rủi ro biến động giá. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn hàng mới vừa đảm bảo chất lượng vừa có giá cả hợp lý.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh

Với sự tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị xuất khẩu cùng làn sóng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam do chiến tranh thương mại là những lý do chính khiến ngành xuất khẩu gỗ nước ta đang thu hút rất nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Đặc biệt, các doanh nghiệp từ Trung Quốc đang ngày càng gia tăng đầu tư vào ngành chế biến gỗ Việt Nam. Điều này có thể xảy ra rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh khi mà số lượng và mức độ cạnh tranh của các đối thủ ngày càng tăng cao.

Biện pháp kiểm soát

Công ty luôn chủ động tìm cách nhận diện và phân tích kịp thời các thay đổi của bối cảnh, môi trường, từ đó xây dựng và triển khai các dự án để củng cố, gia tăng lợi thế cạnh tranh và đón đầu những thay đổi trong tương lai. Đồng thời, Công ty cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng đơn hàng đang có, gia tăng năng suất để có thể duy trì khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới.

Rủi ro chất lượng sản phẩm

Đặc thù sản phẩm gỗ trang trí nội thất là mặt hàng có tính thẩm mỹ cao. Vì vậy, bất kỳ một sự hư hỏng, trầy xước trong quá trình vận chuyển hoặc việc không đạt tiêu chuẩn mà khách hàng đặt ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và uy tín với khách hàng.

Biện pháp kiểm soát

Thường xuyên kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào – sản phẩm đầu ra để hạn chế thấp nhất việc sản phẩm bị đánh giá không đạt chất lượng.

Rủi ro nguồn nhân lực

Việc dịch chuyển các đơn hàng của Mỹ từ Trung Quốc sang Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã khiến xuất khẩu gỗ của Việt Nam tăng trưởng nóng. Đặc biệt, hơn 50% thị trường của SAVIMEX là Mỹ nên đây sẽ là cơ hội rất lớn để Công ty mở rộng quy mô sản xuất chế biến. Tuy nhiên, đi kèm với đó là rủi ro trong việc thu hút nguồn lao động. Bởi khi nhiều doanh nghiệp cùng đồng loạt gia tăng quy mô trong thời gian ngắn thì sẽ xảy ra vấn đề thiếu hụt lao động, khiến các doanh nghiệp trong ngành phải cạnh tranh với nhau trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực.

Biện pháp kiểm soát

Tiếp tục duy trì và cải thiện hơn nữa chế độ phúc lợi cho toàn thể CBNV. Đảm bảo nguồn lương, thưởng, phụ cấp tương xứng với năng suất lao động và hiệu quả công việc đề ra. Trong năm 2019, Công ty đã duy trì tổ chức cuộc thi “Technical Management Trainee” với mục đích tìm kiếm nhân sự chất lượng cao từ đối tượng sinh viên khối kỹ thuật.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, SAVIMEX cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn,... Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Biện pháp kiểm soát

Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tổn thất kết hợp mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tối đa về thiệt hại.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng/ (giảm)
Tổng tài sản	515.144	509.187	1,17%
Doanh thu thuần	870.516	706.286	23,25%
Lợi nhuận gộp	126.854	77.826	63,0%
Lợi nhuận từ HĐKD	42.682	20.103	112,32%
Lợi nhuận trước thuế	36.377	20.769	75,15%
Lợi nhuận sau thuế	25.370	18.132	39,92%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.923	1.153	66,78%

Chi phí hoạt động

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng/giảm
Chi phí bán hàng	22.645	19.112	18,49%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	62.112	36.601	69,70%
Chi phí tài chính	3.867	6.259	(38,22)%

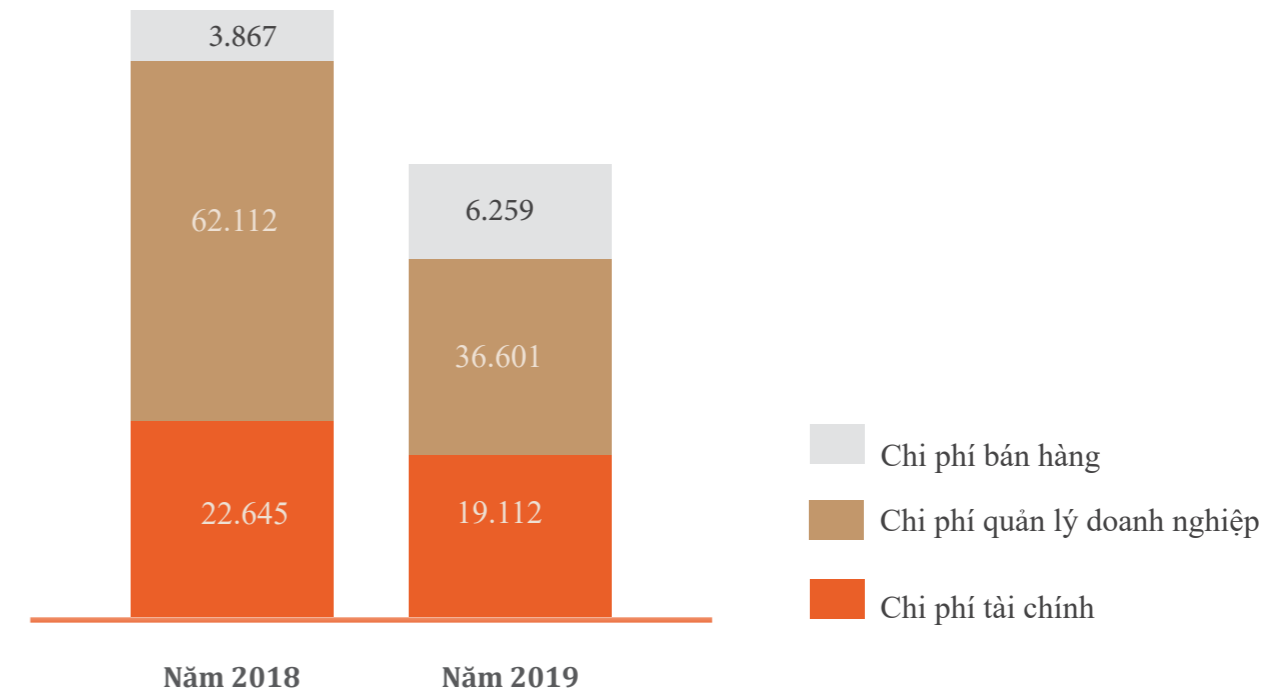
Năm 2019 là một năm thành công trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 870,5 tỷ đồng, tăng 23,25% so với năm 2018. Nhờ vào hoạt động tích cực tìm kiếm nguồn cung sản phẩm với giá hợp lý mà chi phí giá vốn của Công ty giảm đáng kể, giúp lợi nhuận gộp năm 2019 đạt gần 127 tỷ đồng.

Về chi phí hoạt động, chi phí bán hàng tăng 18,49% so với năm trước, đạt 22,6 tỷ đồng do chi phí bán hàng tăng theo tốc độ tăng của doanh thu. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh lên 62 tỷ đồng do trong năm Công ty đã xóa các khoản nợ phải thu khó đòi từ năm 2016. Chi phí tài chính giảm mạnh 38,22% do trong năm Công ty đã giảm vay nợ ngắn hạn.

Kết quả, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 25,37 tỷ đồng, tăng 39,92% so với năm 2018.

Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2018, năm 2019

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



ĐẠT **36,37** tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
Tăng **75,15%** so với cùng kỳ

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện kế hoạch

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

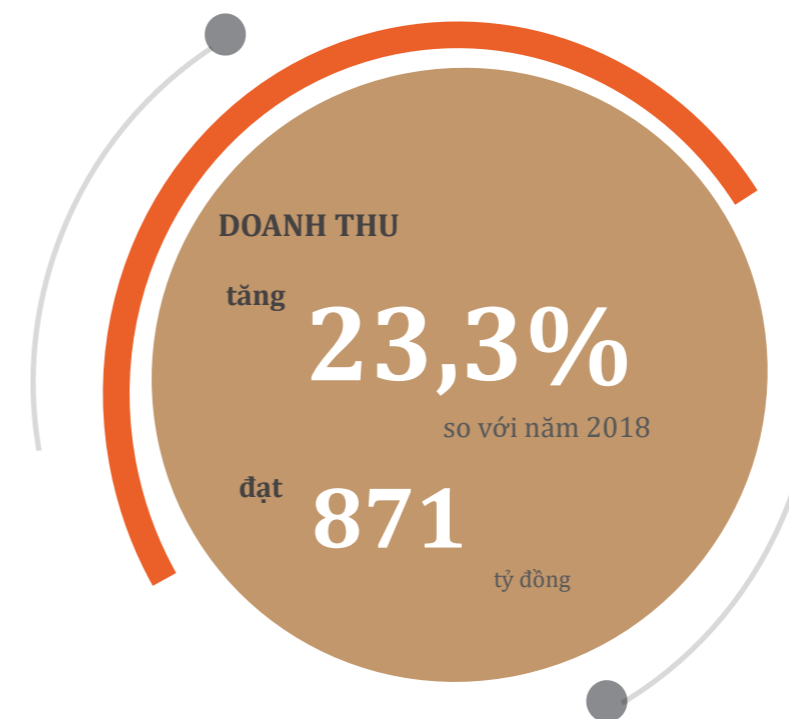
Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% TH/KH 2019	% TH 2019/TH 2018
Tổng doanh thu	706.751	777.000	871.154	112,1%	123,3%
Lợi nhuận sau thuế	18.132	25.000	25.370	101,5%	139,9%

Năm 2019, các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty đều vượt kế hoạch đã đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 là 871 tỷ đồng, đạt 112,1% so với kế hoạch. Chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế đã được Công ty đặt mục tiêu rất cao cho năm 2019 với 25 tỷ đồng. Dù vậy, việc đặt mục tiêu cao cũng chính là động lực giúp toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên Công ty cùng nhau phấn đấu thực hiện. Kết quả không ngoài mong đợi, lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 25,37 tỷ đồng, vượt kế hoạch mà ĐHCĐ đã giao phó.

Tình hình thực hiện kế hoạch

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán nội thất gỗ	818.542	93,96%	639.573	90,5%
Doanh thu bán bao bì	20.296	2,33%	24.871	3,52%
Doanh thu bán bất động sản	14.127	1,62%	17.160	2,43%
Doanh thu cho thuê bất động sản	9.378	1,08%	9.716	1,37%
Doanh thu bán hàng hóa	3.119	0,36%	9.714	1,37%
Doanh thu khác (phế liệu, phí thu lại khách hàng,..)	5.692	0,65%	5.717	0,81%
Tổng cộng	871.154	100,00%	706.751	100,00%



- Doanh thu của Công ty chủ yếu được đóng góp từ gỗ nội thất, chiếm 93,96% trong cơ cấu doanh thu năm 2019. Tiếp theo sau lần lượt là sự đóng góp từ lĩnh vực bao bì và lĩnh vực bán và cho thuê bất động sản.

- So với năm 2018, doanh thu từ mặt hàng gỗ nội thất tiếp tục tăng tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, từ 90,5% lên 93,96% năm 2019. Điều này cho thấy gỗ nội thất tiếp tục là mặt hàng cốt lõi và ngày càng được Công ty tập trung đầu tư.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Kim Jung Heon	Chủ tịch	-
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	-
3	Kim Soung Gyu	Thành viên	Đại diện 40,72%
4	Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên	-
5	Trần Như Tùng	Thành viên	-
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên	
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	
II	BAN ĐIỀU HÀNH		
1	Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc	
2	Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất	
3	Mai Thị Huyền Thanh	Kế toán trưởng	
III	BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ		
1	Nguyễn Thị Thu Yến	Trưởng Ban	
2	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	
3	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	

ÔNG KIM JUNG HEON - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1966
Quốc tịch	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư kinh tế nông nghiệp – Đại học Korea
Quá trình công tác	
1995 – 2001	Công ty E-Land World
2003 – 2009	Công ty E-Land Việt Nam
2009 – 2015	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
2015 - nay	Công ty Cổ phần SY Vina
04/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Ông LIM HONG JIN - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1966
Quốc tịch	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	Đại học – Chuyên ngành Sinh học và Giáo dục
Quá trình công tác	
03/1992 – 02/1995	Nhân viên kinh doanh Công ty E-land World
03/1995 – 02/2003	Trưởng phòng mua hàng nước ngoài của Công ty E-land World
03/2003 – 12/2007	Quản lý Khu vực của Công ty E-land World
01/2008 - 02/2010	Giám đốc điều hành Công ty bán lẻ E-land
03/2010 - 01/2012	Quản lý sản xuất của Tập đoàn E-land
02/2012 - 10/2014	Phó Tổng giám đốc CTCP SY VINA Việt Nam
11/2014 – nay	Tổng giám đốc CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2019 – nay	Phó chủ tịch HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ông KIM SOUNG GYU - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1968
Quốc tịch	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật (LL.B)
Quá trình công tác	
01/1995 - 12/1998	Quản lý Phòng Pháp chế tại E-Land
01/1999 - 12/2000	Brand Manager tại LEAD Character Division
01/2001 - 12/2002	Trưởng phòng Pháp chế tại E-Land
01/2003 - 07/2006	Trưởng phòng M&A tại E-Land World
05/2008 - 12/2008	Trưởng phòng dự án bất động sản tại E-Land Construction
01/2009 - 08/2009	Trưởng phòng M&A tại E-Land World
08/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng chiến lược đầu tư, Thành viên Hội đồng quản trị tại CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Bà MAI THỊ HUYỀN THANH - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	1984
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Tài chính - ngân hàng
Quá trình công tác	
10/2006 - 06/2009	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Kế Toán & Tư Vấn V.L.C
07/2009 - 11/2012	Kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Immanuel
12/2012 - 12/2015	Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung
07/2016 - 02/2017	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
06/2017 - nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Ông TRẦN NHƯ TÙNG - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1973
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD chuyên ngành Quản trị Chiến lược
Quá trình công tác	
1997 - 2002	Trưởng bộ phận cước phí Trung tâm Internet Sài Gòn
2002 - 2005	Chuyên viên CNTT Công ty LD Coast Phong Phú
2005 - 2008	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn
2008 - 2011	Trưởng phòng Đầu tư Chiến lược Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Bà HUỖNH THỊ THU SA

Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

Năm sinh	1982
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Luật sư
Quá trình công tác	
2004 - nay	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Bà NGUYỄN THỊ THU YẾN

Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

Năm sinh	1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
2004 – 2009	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC)
2009 – 2012	Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel - chi nhánh HCM
2013 - 2016	Công Ty TNHH Komax Việt Nam
2017 - nay	Công Ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Bà NGÔ THỊ YẾN TRANG

Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

Năm sinh	1989
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh và Thạc sĩ kinh doanh quốc tế
Quá trình công tác	
2011 - 2015	Senior Audit & Senior Advisory Service tại EY Việt Nam
2018	Finance Manager tại Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ
2019 - nay	Senior Strategy Manager tại Medical Diag Center
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên HĐQT		04/04/2019
2	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên HĐQT		04/04/2019
3	Phạm Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	04/04/2019	
4	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên ban kiểm soát	04/04/2019	
5	Kim Dong Ju	Thành viên ban kiểm soát	04/04/2019	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

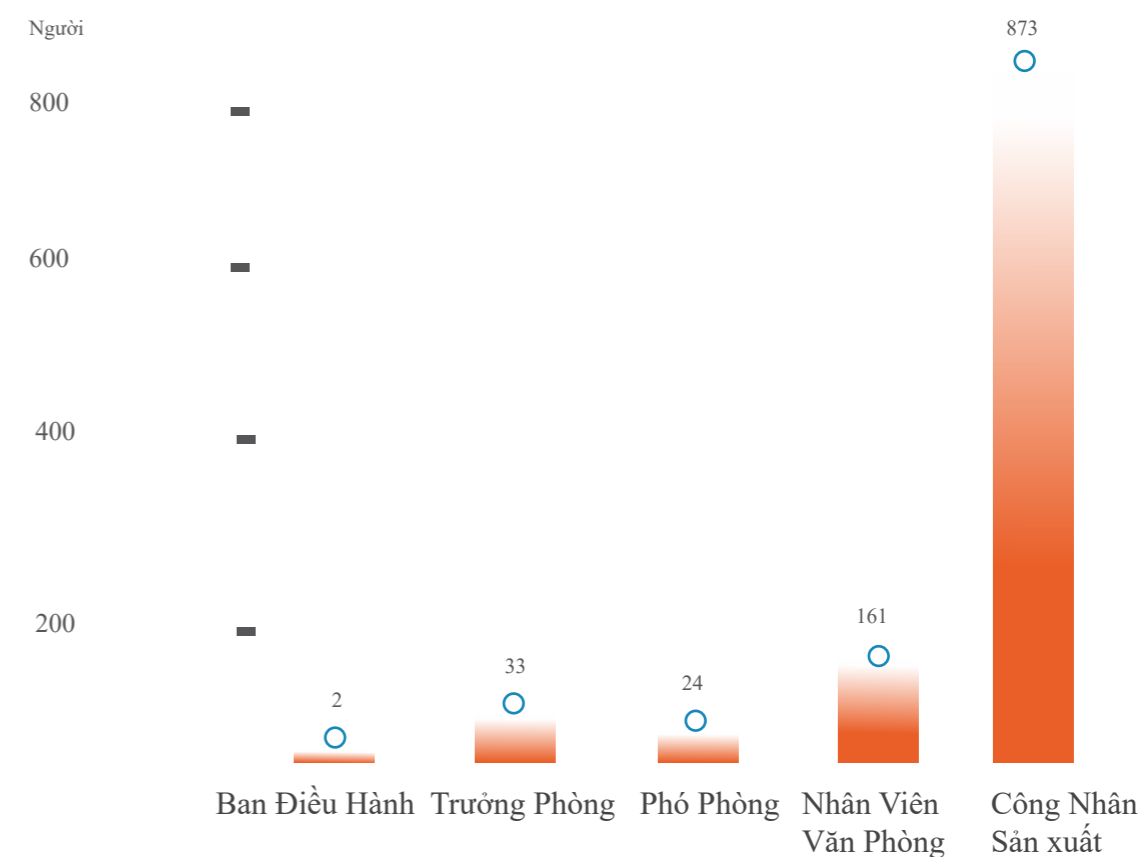
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	1.093	100,0%
1	Trình độ đại học, trên đại học	98	9,0%
2	Trình độ cao đẳng	33	3,0%
3	Trình độ trung cấp	45	4,1%
4	Công nhân kỹ thuật	1	0,1%
5	Lao động phổ thông	916	83,8%
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.093	100,0%
1	Hợp đồng không thời hạn	744	68,1%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	54	4,9%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	295	27,0%
III	Theo giới tính	1.093	100,0%
1	Nam	723	66,1%
2	Nữ	370	33,9%

Cơ cấu nhân sự theo chức vụ

Chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ
Ban Điều Hành	2	0,2%
Trưởng Phòng	33	3,0%
Phó Phòng	24	2,2%
Nhân Viên Văn Phòng	161	14,7%
Công Nhân Sản xuất	873	79,9%
Tổng cộng	1.093	100,0%

Biểu đồ Cơ cấu nhân sự theo chức vụ



CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Môi trường làm việc

✔ Yếu tố con người luôn được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của SAVIMEX. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.

✔ Ban lãnh đạo Công ty, thông qua các sự kiện, khảo sát và hệ thống kênh thông tin đa dạng, luôn chia sẻ, lắng nghe và trân trọng những ý kiến đóng góp ý kiến của CBNV. Ngoài ra, đối với những CBNV hết tuổi lao động nhưng có trình độ chuyên môn, đủ sức khỏe tiếp tục làm việc, nếu có nhu cầu, Công ty có thể xem xét hợp tác theo hợp đồng tư vấn hoặc cộng tác viên.

Chính sách lương thưởng

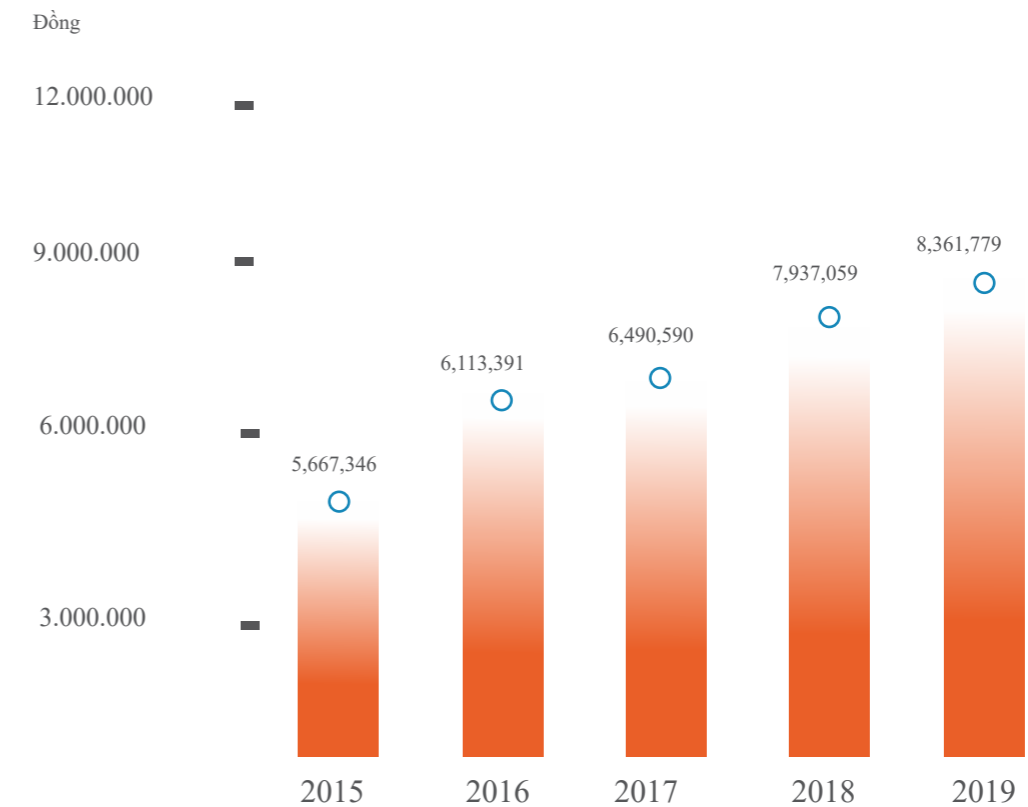
Với SAVIMEX, một chính sách lương thưởng hợp lý sẽ giúp người lao động đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định, an tâm làm việc và tạo động lực để cống hiến hết mình vì sự phát triển của Công ty.

Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.



Toàn bộ CBNV đều được xem xét tăng lương hằng năm. Ban lãnh đạo đã thực hiện tăng thêm nhiều khoản thưởng như tiền thưởng tháng 13, thưởng sau Tết trở lại làm việc, thưởng hoàn thành năng suất, quà tết, quà nhân dịp Giáng sinh hoặc ngày thành lập Công ty.

Biểu đồ thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách phúc lợi



Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v...



Hàng năm, SAVIMEX tổ chức hoạt động du lịch nghỉ mát, thể dục thể thao vừa giúp CBNV hồi phục lại sức lao động sau những ngày làm việc vất vả, vừa góp phần xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của SAVIMEX.

Chính sách tuyển dụng



Nhằm hiện thực hóa phương châm hoạt động của Công ty **“Nhanh hơn – Tốt hơn – Rẻ hơn”**, SAVIMEX luôn chào đón những nhân sự tài năng có khát vọng vươn lên bằng trí tuệ, có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác để gia nhập vào mái nhà chung của SAVIMEX.

Nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đề cao và trân trọng sự đa dạng, luôn tạo môi trường công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch,... Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Năm 2019, SAVIMEX đã tổ chức cuộc thi **“Technical Management Trainee”** với mục tiêu tìm kiếm các nhân tố tiềm năng từ đối tượng sinh viên mới tốt nghiệp, đào tạo, khai phá tiềm năng nhân sự trẻ, từng bước trở thành nhà quản lý nhờ vào lộ trình thăng tiến rõ ràng.

Nguồn nhân lực của SAVIMEX là sự kết hợp giữa sức trẻ, nhiệt huyết nhưng đầy kinh nghiệm, bản lĩnh (cán bộ trẻ dưới 30 tuổi) và CBNV đang trong độ chín của sự nghiệp với tuổi đời từ 30-50. Điều này đã góp phần tạo nên một môi trường đa dạng, vừa năng động sáng tạo nhưng cũng không thiếu lực lượng nòng cốt nhiều kinh nghiệm giúp gia tăng hiệu quả trong kinh doanh của Công ty ở hiện tại và tương lai.



CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc. Tìm hiểu nhu cầu đào tạo, lựa chọn phương pháp và mô hình đào tạo phù hợp cũng như đánh giá hiệu quả đào tạo được thực hiện bài bản nhằm đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo. Theo đó, hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CBNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CBNV Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các dự án thực hiện trong năm

STT	Dự án	Giá trị
1	Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyên – Quận 3	36.666.716
2	Khu dân cư Phú Thuận – Quận 7	3.580.474.607
3	Chung cư Ngọc Lan – Quận 7	9.511.736.024
4	Dự án Đào Trí – Quận 7	69.513.408.488
5	Khu dân cư Tân Thới Hiệp – Quận 12	7.823.398
6	Khu dân cư Bình Trị Đông – Bình Chánh	5.961.848.972
7	Công trình Trường Cán Bộ - TP.HCM	184.108.055



Trong năm 2019, hoạt động chủ yếu của Trung tâm Xây dựng và kinh doanh địa ốc như sau:

• Quản lý và khai thác có hiệu quả các mặt bằng: 194 Nguyễn Công Trứ Quận 1, 741 Hậu Giang và Khu thương mại Ngọc Lan;



• Các dự án đất nền: Tiếp tục thực hiện việc quản lý thiết kế, thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án Khu dân cư Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp;



• Tập trung thu hồi công nợ còn lại của các dự án.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,89	0,75
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,31%	49,70%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	89,78%	98,80%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,35	5,42
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	11,15	7,83
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,70	1,41
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp	%	14,57%	11,02%
Biên lợi nhuận ròng	%	2,91%	2,57%
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	4,92%	3,56%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,35%	7,08%

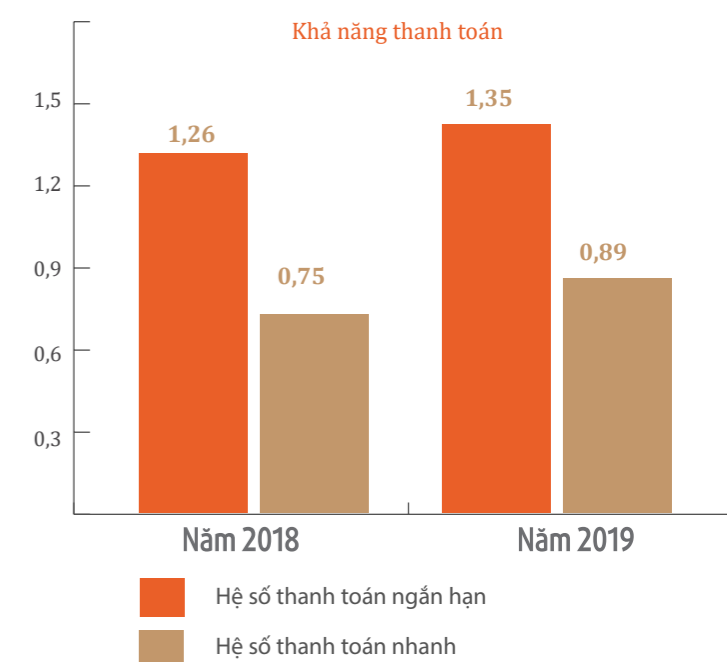


Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt mức 1,35 và 0,89 năm 2019, tăng so với mức 1,26 và 0,75 của năm 2018. Điều này chứng tỏ Công ty ngày càng có khả năng đáp ứng tốt hơn các khoản chi trả nợ đến hạn thanh toán.

Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do tài sản của Công ty trong năm tăng trong khi nợ phải trả giảm nhẹ. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do Công ty giảm các khoản mục vốn lưu động (hàng tồn kho, khoản phải thu) khiến dòng tiền tăng mạnh. Đồng thời, Công ty cũng giảm vay nợ ngân hàng giúp nợ phải trả giảm trong năm.

Bên cạnh đó, có thể thấy các hệ số thanh toán của Công ty không cao, đạt quanh mức 1. Nguyên nhân là do tài sản của Công ty một phần lớn tập trung ở khoản mục Tài sản dở dang dài hạn là các bất động sản còn nhiều tiềm năng phát triển hoặc kinh doanh trong tương lai.



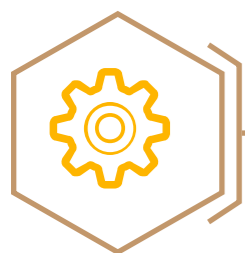
Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty dịch chuyển theo hướng giảm nợ và tăng vốn chủ sở hữu nhờ việc giảm nợ vay và tăng lợi nhuận giữ lại. Theo đó, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản đều giảm so với năm 2018, lần lượt đạt ở mức 89,78% và 47,31%.

Nợ phải trả của Công ty luôn giữ ở mức thấp hơn vốn chủ sở hữu chứng tỏ việc sử dụng đòn bẩy của Công ty khá cân đối và an toàn. Đồng thời, có thể thấy Công ty chủ yếu dùng vốn vay ngắn hạn, ưu tiên sử dụng nguồn vốn tự có, đồng thời tận dụng uy tín của mình để tranh thủ nguồn vốn từ các nguồn phải trả nhà cung cấp để luân chuyển vốn kinh doanh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH



Năng lực hoạt động

Các chỉ số về năng lực hoạt động được cải thiện rõ rệt trong năm. Trong đó, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay khoản phải thu năm 2019 lần lượt đạt 6,35 và 11,15 vòng, tăng so với mức 5,42 và 7,83. Cả hai khoản mục hàng tồn kho và khoản phải thu đều lần lượt giảm 15 tỷ và 18 tỷ so với năm 2018. Điều này cho thấy Công ty đang ngày càng quản trị được tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và tốc độ chuyển doanh thu thành tiền mặt tốt hơn.

Vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,41 năm 2018 lên mức 1,7 năm 2019 nhờ vào doanh thu tăng mạnh trong năm. Điều này thể hiện Công ty ngày càng sử dụng hiệu quả tài sản để tạo ra doanh thu.



Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 đã tăng trưởng một cách rõ rệt so với năm trước. Cụ thể, biên lợi nhuận gộp tăng từ 11,02% năm 2018 lên 14,57% năm 2019 và biên lợi nhuận ròng cũng tăng từ 2,57% lên 2,91% trong năm 2019. Các chỉ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cũng giữ được tăng trưởng ở mức hai chữ số, lần lượt đạt mức 4,92% và 9,35%. Sự tăng trưởng này nhờ vào kiểm soát hiệu quả chi phí giá vốn giúp biên lợi nhuận được cải thiện mạnh mẽ.

Dù vậy, các chỉ số sinh lời của Công ty vẫn còn ở mức tương đối thấp. Điều này là dễ hiểu bởi SAVIMEX vừa trải qua giai đoạn tái cơ cấu. Trong thời gian, SAVIMEX sẽ tiếp tục chiến lược tự đàm phán xuất khẩu trực tiếp với đối tác nước ngoài và tăng số lượng sản phẩm tự thiết kế thì biên lợi nhuận sẽ có nhiều triển vọng tăng trưởng hơn nữa.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phần	:13.923.773 cổ phần
Loại cổ phần	:Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	:10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	:13.528.003 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	:395.770

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	768	6.715.890	67.158.900.000	48,23%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	16	3.155.695	31.556.950.000	22,66%
3	Cổ đông cá nhân	752	3.560.195	35.601.950.000	25,57%
II	Cổ đông nước ngoài	62	6.812.113	68.121.130.000	48,92%
1	Cá nhân	55	182.453	1.824.530.000	1,31%
2	Tổ chức	7	6.629.660	66.296.600.000	47,61%
III	Cổ phiếu quỹ	1	395.770	3.957.700.000	2,84%
	Tổng cộng	831	13.923.773	139.237.730.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 29/05/2019, Savimex đã tăng vốn từ 132.798.850.000 VNĐ lên mức 139.237.730.000 VNĐ bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2019.

“



”

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý, Ban Giám đốc đã nỗ lực hết mình cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 đã đạt được nhiều điểm sáng ấn tượng. Trong đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt ở mức 871 tỷ đồng và 25 tỷ đồng, tăng cao so với năm 2018 đồng thời vượt các chỉ tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ 2019.

Đây là một kết quả xứng đáng cho những nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV trong bối cảnh biến động khó lường của thương mại thế giới năm qua, tạo niềm tin và động lực để Công ty tiếp tục phấn đấu, đạt những kết quả ấn tượng hơn nữa trong tương lai.

Về hoạt động sản xuất - kinh doanh - xuất khẩu

Công ty đã tập trung phát triển khách hàng Mỹ mới đồng thời tiến hành thay mới và sắp xếp line chuyền sản xuất như đầu tư mua nhiều máy ghép gỗ hiện đại, máy chà nhám mới, tách dây chuyền sản xuất giữa khách hàng Mỹ và khách hàng Nhật, Hàn Quốc riêng biệt để chuyên môn hóa dòng hàng nhằm đạt năng suất cao hơn;

Triển khai kịp thời và đầy đủ thông tin đơn hàng theo kế hoạch; Xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công sản xuất, mục tiêu tận dụng tối đa năng lực sản xuất của các xưởng đáp ứng yêu cầu kế hoạch; Việc điều phối lao động luôn được chú trọng nhằm giải quyết tiến độ sản xuất kịp thời theo yêu cầu kế hoạch;

Quản lý chặt chẽ việc thu hồi công nợ, áp dụng công nợ tối đa 30 ngày đối với các khách hàng lớn và 15 ngày đối với khách hàng nhỏ;

Thiết lập KPI cho từng tổ, dựa vào đó để đánh giá mức độ hoàn thành công việc độ hoàn thành công việc, theo sát thực tế sản xuất nhằm đáp ứng kịp tiến độ sản xuất. Bên cạnh đó, bộ phận sản xuất luôn phối hợp chặt chẽ với phòng mua hàng trong công tác chuẩn bị nguyên vật liệu kịp thời cho từng công đoạn sản xuất.



Về công tác nhân sự

Với lực lượng lao động 1.093 người năm 2019, Công ty vẫn duy trì tốt các chính sách cho người lao động. Cụ thể:

- Áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc theo đúng quy định của Luật lao động, Thỏa ước lao động và Nghị quyết lao động;
- Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương;
- Trích nộp đầy đủ và kịp thời tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2019 và giải quyết các chế độ chính sách đầy đủ cho người lao động;
- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho CBCNV; Công tác đào tạo kỹ năng quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung đã được chú trọng bằng cách có các chương trình với các chủ đề cụ thể hàng tuần;
- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ, du lịch giúp nâng cao tinh thần của người lao động.



Công tác quản lý chất lượng, môi trường, gia công ngoài

Công ty tiếp tục triển khai và thực hiện khẩu hiệu “Mỗi công nhân là một QC”. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện tốt công tác chuẩn bị kế hoạch chất lượng thông qua hàng mẫu, hàng triển lãm, tổ chức họp để thống nhất và ban hành quy trình sản xuất chính thức. Thực hiện nghiêm túc kiểm soát chất lượng, quy trình. Phân công Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý máy móc thiết bị khu vực xưởng mình quản lý (vệ sinh hàng ngày, bảo quản máy móc thiết bị, phân công người chịu trách nhiệm cụ thể từng máy). Xác lập quy trình, tiêu chuẩn chất lượng gia công rõ ràng trước khi mang hàng đi gia công, đảm bảo có gối đầu từ 5 - 7 ngày so với tiến độ của Nhà máy.

Đối với kinh doanh địa ốc

- Quản lý và khai thác có hiệu quả các mặt bằng : 194 Nguyễn Công Trứ Q1, 741 Hậu Giang và Khu thương mại Ngọc Lan;
- Các dự án đất nền: Tiếp tục thực hiện việc quản lý thiết kế , thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án : Khu dân cư Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình tài chính

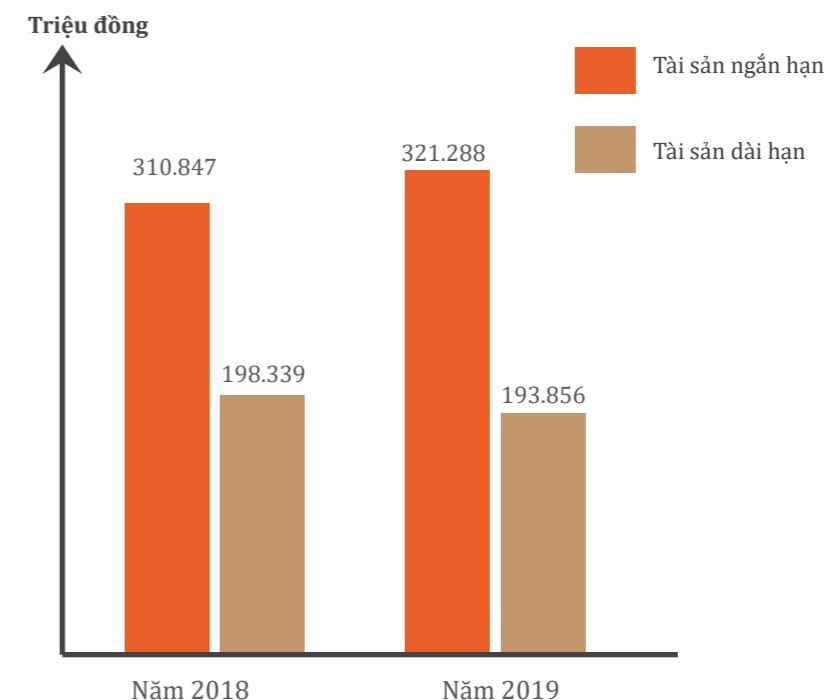
Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Tài sản ngắn hạn	321.288	310.847	3,4%
Tài sản dài hạn	193.856	198.339	-2,3%
Tổng tài sản	515.144	509.187	1,2%

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm tài chính 2019 là 515 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,2% so với năm 2018. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 3,4% so với cùng kỳ, đạt mức 321 tỷ năm 2019 và tài sản dài hạn đạt 194 tỷ đồng, giảm 2,3%.

Đối với tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 18 tỷ đồng so với năm 2018 do Công ty đã xoá các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng từ năm 2016 trở về trước trên báo cáo tài chính với tổng số tiền hơn 38 tỷ đồng. Khoản mục hàng tồn kho giảm 16 tỷ đồng chủ yếu là giảm tồn kho thành phẩm chứng tỏ sản phẩm của Công ty ngày càng được tiêu thụ tốt. Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 55 tỷ so với cùng kỳ do các khoản mục vốn lưu động (hàng tồn kho, phải thu) đều giảm giúp dòng tiền hoạt động kinh doanh tăng mạnh.



Tài sản dài hạn của Công ty không thay đổi nhiều so với năm trước. Trong đó tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản dở dang cơ bản lần lượt chiếm 34,37%, 7,6% và 50,63% trong cơ cấu tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn và bất động sản đầu tư ở mức tương đương với năm 2018 và đều được trích khấu hao trong năm. Tài sản cơ bản dở dang là các dự án bất động sản của Công ty đang trong quá trình thi công, xây dựng, trong đó lớn nhất là dự án Đào Trí - quận 7.

Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn với 62,4% năm 2019, do đặc thù máy móc ngành gỗ có giá trị không lớn, chủ yếu là chi phí bổ sung, bảo dưỡng máy móc hàng năm. Bên cạnh đó, nhờ vào quỹ đất hiện có của mình, Savimex hoàn toàn có khả năng tăng số nhà xưởng hoạt động nếu có thêm đơn hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

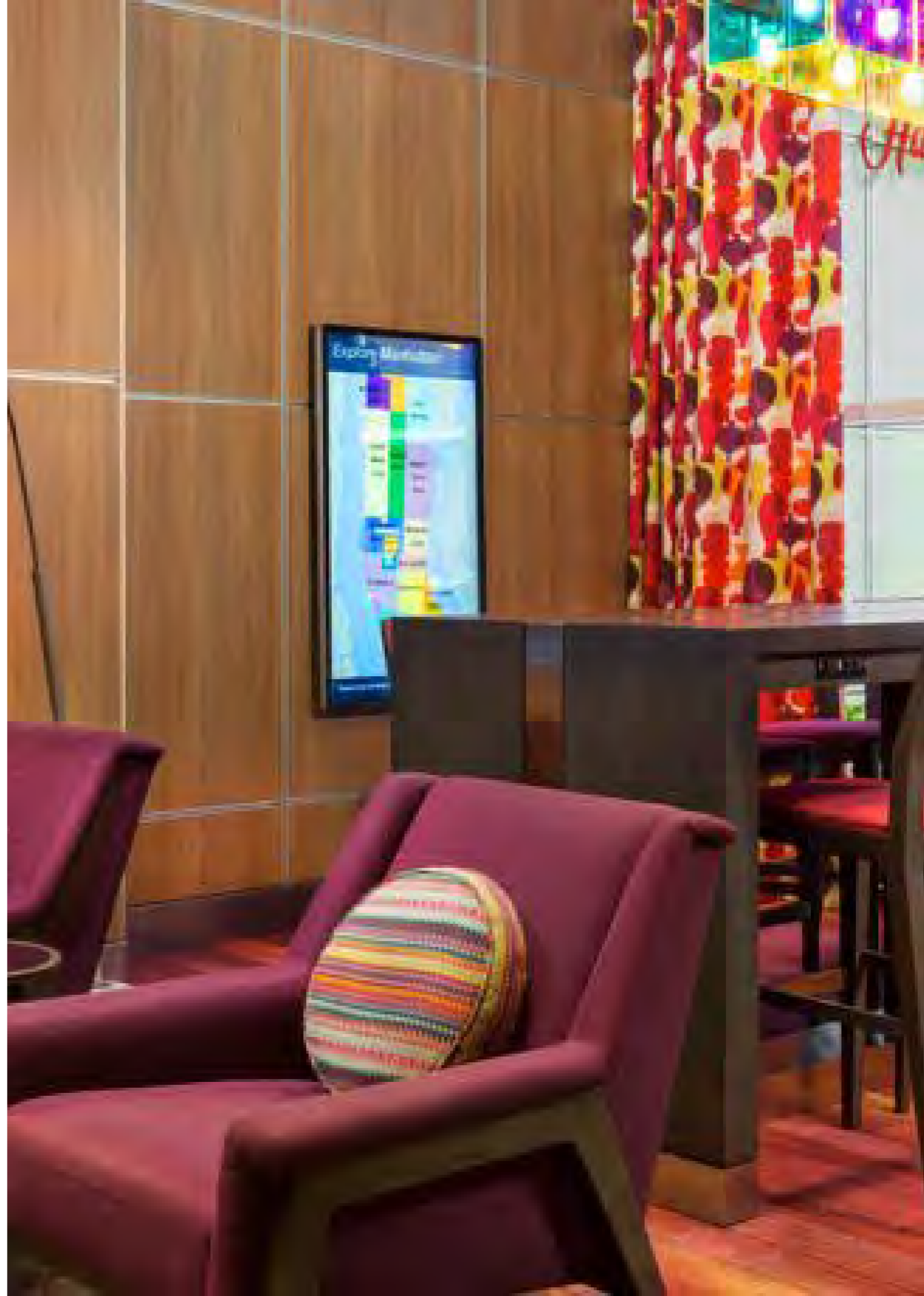
Tình hình tài chính

Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Nợ ngắn hạn	238.141	247.257	-3,7%
Nợ dài hạn	5.566	5.795	-3,9%
Tổng nợ	243.707	253.051	-3,7%

Tổng nợ phải trả tính đến cuối năm 2019 là 243,7 tỷ đồng, giảm 3,7% so với cùng kỳ. Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt giảm 3,7% và 3,9% so với cuối năm 2018. Trong đó, khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm mạnh 42 tỷ đồng so với cùng kỳ do Công ty chủ động giảm vay nợ, ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu nợ vay do Công ty chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn để tối ưu được chi phí lãi vay.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhà máy SATIMEX

- Duy trì lực lượng lao động phù hợp và đảm bảo sự điều phối linh hoạt giữa các tổ với nhau; Tiếp tục đào tạo công nhân đảm bảo thực hiện được nhiều công đoạn;
- Triển khai các biện pháp để tăng năng suất lao động và kiểm soát hiệu quả chi phí, tuy nhiên vẫn đảm bảo người có tay nghề cao, năng lực tốt được hưởng mức lương xứng đáng;
- Kiểm soát công tác quản lý, vận hành, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Xí nghiệp bao bì SAVIPACK

- Tăng cường hoạt động đào tạo công nhân có tay nghề để nâng cao chất lượng sản phẩm, kỹ năng quản lý cho các Tổ trưởng, huấn luyện để nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất;
- Kiểm soát chặt chẽ vấn đề chất lượng sản phẩm đầu ra, cải tiến máy móc để tăng năng suất, tiết giảm chi phí nguyên vật liệu;
- Tiếp tục tập trung vào đối tượng khách hàng lớn như Amazon, Maszma, Scan-com, Eland,...;

Trung tâm xây dựng SAVIHOMES

- Tiếp tục duy trì việc khai thác, sử dụng có hiệu quả, kiểm soát chi phí tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, 741 Hậu Giang, Khu Thương mại Ngọc Lan, Đào Trí;
- Các dự án khác: Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý thiết kế, thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án khu dân cư như: Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp;
- Tập trung thu hồi công nợ còn lại của tất cả các dự án địa ốc.

Khối văn phòng Công ty

- Xây dựng các biện pháp kiểm soát chi phí hành chính theo hướng tiết giảm phù hợp với kế hoạch Công ty, kiểm soát hiệu quả quỹ lương;
- Tiếp tục xây dựng chỉ tiêu đánh giá KPI của từng phòng ban và xưởng sản xuất để làm cơ sở điều chỉnh thu nhập, đề bạt, điều chuyển công tác, khen thưởng, được áp dụng thống nhất trong toàn Công ty;
- Sắp xếp, đào tạo nâng cao khả năng quản lý của cán bộ phòng ban đủ khả năng dự báo được các diễn biến, đề xuất giải pháp xử lý thích hợp cho từng thời điểm;
- Chú trọng trong công tác đào tạo nhân sự trẻ mà trong đó chương trình tuyển dụng TMT cho đối tượng sinh viên mới tốt nghiệp là trọng điểm.

Triển vọng ngành năm 2020

Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công lớn của ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Thành công này được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu ở mức 2 con số và cao hơn hẳn tốc độ tăng trưởng của các năm trước. Ngành tiếp tục nhận được sự quan tâm lớn của Chính phủ, thể hiện qua các cuộc hội thảo, hội nghị với sự tham gia của những người đứng đầu chính phủ, cơ chế chính sách mới cởi mở, thông thoáng nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Chính phủ duy trì sự quyết liệt nhằm giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động thương mại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn kéo dài.

Trong năm 2020, thị trường thế giới có nhiều biến động. Dịch viêm phổi cấp (COVID-19) bùng phát vào tháng 12 năm 2019 và hiện nay chúng ta vẫn chưa biết thời điểm dịch đạt đỉnh điểm hay khi kết thúc. Năm 2020 dự kiến cũng là năm Hiệp định EVFTA bắt đầu có hiệu lực. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp tục kéo dài. Tất cả các yếu tố này đang và sẽ tiếp tục có những tác động lớn đối với ngành gỗ Việt - một ngành có triển vọng rất lớn như hiện nay.

Đối với SAVIMEX, năm 2020 cũng hứa hẹn nhiều thuận lợi: Công ty đã tạo ra hiệu quả kinh doanh khi quản lý theo khối để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm ổn định, giảm chi phí sản xuất, chi phí sửa chữa bảo trì. Bên cạnh kiểm soát chi phí, việc đẩy mạnh doanh thu sẽ tập trung cho việc phát triển thị trường Mỹ và lựa chọn các dòng hàng hiệu quả để đầu tư đúng đắn. Công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị như hệ thống máy hút bụi, máy ghép gỗ, máy dán cạnh, máy CNC, máy chà nhám để tăng năng suất sản xuất.

Định hướng phát triển dài hạn

Với mục tiêu trở thành thương hiệu về đồ gỗ nội thất số một Châu Á, SAVIMEX xác định định hướng phát triển dài hạn như sau:

- Đa dạng hóa thị trường, bao gồm cả trong nước và ngoài nước nhằm phòng tránh rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận;
- Cạnh tranh bằng chất lượng cao và thời gian giao hàng, đáp ứng được các đơn hàng gấp và đơn hàng lớn;
- Hợp tác, liên kết với các đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý;
- Sử dụng, khai thác hiệu quả nhất các nguồn lực về nhân sự, tài chính và đất đai.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch phát triển năm 2020

Về hoạt động kinh doanh:

- Phát triển khách hàng mới, tập trung phát triển thị trường Mỹ, đồng thời tiếp tục chú trọng vào việc nhận đơn hàng đối với thị trường Nhật (hàng công trình) và phát triển thị trường châu Âu (Anh và Ý);
- Cân đối hài hòa giữa đơn hàng với năng lực sản xuất nội bộ và các nhà thầu phụ;
- Áp dụng các biện pháp duy trì giá cả đầu vào, rà soát toàn bộ chi phí và đàm phán giá tốt nhất với mỗi nhà cung cấp;
- Tích cực giải quyết nhanh các yêu cầu của khách hàng, đặc biệt tập trung giao hàng đúng hạn;
- Kiểm soát tình hình triển khai các dự án và giải quyết mọi vướng mắc với các cơ quan chính quyền;
- Kiểm tra nghiêm ngặt nguồn gốc nguyên liệu hợp pháp để đáp ứng các yêu cầu rất cao của thị trường quốc tế về bảo vệ môi trường, tài nguyên và trách nhiệm xã hội;
- Thường xuyên theo dõi diễn biến trên thị trường, có kế hoạch dự phòng các rủi ro có thể xảy ra với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về hoạt động đầu tư:

- Công ty tiếp tục cải tiến thay thế máy móc thiết bị theo hướng hiện đại hơn nhằm tối ưu hóa các chi phí sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh;
- Áp dụng và triển khai các ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất làm việc cũng như tăng độ chính xác, bảo mật thông tin ngày càng tốt hơn, đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường khó tính.



Về công tác nhân sự:

- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động bằng cách tăng lương hàng năm cho người lao động;
- Tiếp tục chương trình cải tiến năng suất lao động thông qua ổn định lao động, đào tạo, tạo động lực để khuyến khích.





BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về thị trường ngành gỗ 2019

Năm 2019 được đánh dấu là một năm thành công của ngành gỗ nhìn trên phương diện xuất nhập khẩu và cơ chế chính sách. Kim ngạch xuất khẩu của ngành tăng kỷ lục, đạt con số trên 10,3 tỷ USD, tăng 22% so với kim ngạch của năm 2018. Kim ngạch xuất khẩu mở rộng chủ yếu ở các thị trường lớn, truyền thống như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và EU với kim ngạch và tốc độ tăng trưởng đặc biệt lớn tại thị trường Mỹ. Kim ngạch nhập khẩu trong năm đạt 2,54 tỷ USD, tăng 9% so với kim ngạch năm 2018. Ngành vẫn tiếp duy trì động lực trong việc hút vốn đầu tư nước ngoài, với các dự án đăng ký mới tăng mạnh, đi kèm với các dự án mở rộng và chuyển nhượng vốn.



Cơ hội do mở rộng thương mại cũng song hành với một số rủi ro. Năm 2019 chứng kiến những nỗ lực của Chính phủ cũng như cộng đồng doanh nghiệp trong việc đưa ra các cơ chế và chính sách mới nhằm giảm rủi ro cả về nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào và gian lận thương mại trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung chưa có dấu hiệu chấm dứt. Với Trung Quốc là một trong những thị trường lớn nhất của Việt Nam cả về xuất và nhập khẩu, dịch viêm phổi cấp (COVID-19) bùng phát từ cuối 2019 đang và sẽ có những tác động trực tiếp đến quan hệ thương mại giữa 2 quốc gia, bao gồm cả các mặt hàng gỗ, từ đó có thể ảnh hưởng đến sự bền vững của hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ Mỹ ngày 10 tháng 2 vừa qua đã quyết định đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia đang phát triển có thể cũng làm xuất hiện các yếu tố mới ảnh hưởng đến các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động kinh doanh

Xét về ngành, từ năm 2014, xuất khẩu gỗ của Việt Nam lần đầu tiên lọt vào danh sách “ngành xuất khẩu tỷ USD”, gây bất ngờ cho cả doanh nghiệp (DN) lẫn những nhà hoạch định kinh tế. Mười năm sau, kim ngạch xuất khẩu gỗ đã tăng gấp 6 lần, đạt 6,2 tỷ USD. Những năm tiếp theo đó, dù có thời gian ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, mức tăng trưởng của ngành vẫn vững vàng ở mức 2 con số. Kết thúc năm 2019, ngành chế biến gỗ và lâm sản Việt Nam chính thức chinh phục con số 11 tỷ USD xuất khẩu, vượt qua nhiều cảnh báo rủi ro từ trước đó, cả những thách thức về nhân lực, các DN trong ngành một lần nữa khẳng định bản lĩnh và khả năng ứng biến để có thể làm chủ cuộc chơi. Riêng với Savimex, doanh thu xuất khẩu vẫn duy trì được mức tăng 23% so với cùng kỳ năm 2018, ấn tượng nhất là doanh số xuất khẩu sang thị trường Mỹ đã tăng 70%.

Công ty tiếp tục quản lý sản xuất theo sát mục tiêu năng suất và theo dõi tình hình sử dụng, tiêu hao nguyên liệu theo đúng định mức tiêu chuẩn Công ty đề ra. Công ty đã kiểm soát tốt chi phí quản lý như chi phí vận chuyển, logistic...và chi phí tài chính đã có cải thiện đáng kể so với năm 2018.



Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặt hái những kết quả vượt mong đợi trong năm 2019 khi tổng doanh thu đạt 877 tỷ, tăng 23,16% so với năm 2018 và vượt 12,87% chỉ tiêu đã đề ra. Với chính sách gia tăng mở rộng thị phần và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới kết hợp với tinh gọn quy trình sản xuất, đầu tư máy móc hiệu quả, kết quả tăng trưởng này là thành quả xứng đáng với những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong năm vừa qua.

ĐVT: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2019	Năm 2018	So sánh	
			% tăng/giảm TH2019/2018	% tăng giảm TH 2019/KH 2019
Tổng doanh thu	871.154	706.751	23,3%	12,1%
Lợi nhuận sau thuế	25.370	18.132	39,9%	1,5%



Hoạt động bất động sản

Nhìn chung hoạt động kinh doanh địa ốc trong năm 2019 không có nhiều thay đổi so với 2018. Công ty tiếp tục quản lý tốt các dự án đất nền trong các khâu thiết kế, xây dựng và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu của khách hàng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Chất lượng sản phẩm

Nguyên vật liệu được đưa vào sản xuất được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo chất lượng tốt nhất, mang lại sản phẩm tối ưu cho khách hàng.

Công ty luôn duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, FSC, SA8000, ... nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu về chất lượng, mẫu mã nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Nâng cấp và đổi mới quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ đầu đến khi xuất sản phẩm, từ đó phát hiện được sản phẩm lỗi ngay trong quá trình sản xuất và tăng mức độ yên tâm cho khách hàng.



Công tác đầu tư

Công ty tiếp tục thực hiện việc đầu tư máy móc thiết bị để hỗ trợ môi trường làm việc và tăng năng suất sản xuất như hệ thống máy hút bụi, máy ghép gỗ, máy dán cạnh tự động, máy CNC. Đặc biệt đã thiết lập thành công dây chuyền sản xuất xưởng kim loại để hỗ trợ tốt cho những dòng hàng có sử dụng loại phụ liệu này.



Công tác quản lý tổ chức

Một bộ máy quản lý hiệu quả sẽ giúp CBNV dễ dàng theo dõi, thực hiện và giúp Ban lãnh đạo dễ dàng trong việc kiểm tra, định hướng, thay đổi chiến lược. Trong năm, Tổng Giám đốc đã cùng với HĐQT tiếp tục thiết lập KPI và mục tiêu rõ ràng cho từng nhà máy và phòng ban, định kỳ tổ chức họp đánh giá hàng tuần, hàng tháng, hàng quý để đảm bảo tính kịp thời và có giải pháp phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Công ty đã chia thành các nhóm nhỏ để dễ dàng trong công tác quản lý và đánh giá như SAV1 (thị trường Mỹ), SAV2 (đã phát triển xong chuyên sản xuất khách hàng Mỹ mới thành công bên cạnh khách hàng Nhật và Hàn Quốc truyền thống), SAV3 (chủ lực là thị trường Ý và Hàn Quốc, bên cạnh đó cũng dần phát triển thêm khách hàng Mỹ trong những tháng thấp điểm), SAP (phụ trách kinh doanh bao bì trong và ngoài Công ty) và trung tâm xây dựng Savihomes.



Quan hệ Nhà đầu tư

Năm 2019, Công ty tiếp tục tăng cường các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở GDCK Hồ Chí Minh mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư,... giúp các cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt được thông tin kịp thời. Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do nhà nước ban hành, lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của mình theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành;

Về hoạt động kinh doanh, Ban điều hành đã liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để có thể đề xuất kịp thời biện pháp chỉ đạo xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khai thác tốt những thuận lợi mà thị trường mang lại. Điều đó đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt;



Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động;

HĐQT đã phân công 02 thành viên phụ trách chức vụ Tổng Giám đốc điều hành (CEO), Giám đốc Sản xuất (CPO). Trưởng các đơn vị tiếp tục tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua các báo cáo hàng tháng;

Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức được cơ hội và thách thức của Công ty, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những quy định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong năm.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tối ưu hóa quá trình sản xuất thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến tốc độ và hiệu quả, quản lý sản xuất bằng các phương pháp, máy móc hiện đại;

Tập trung đẩy mạnh doanh thu hàng xuất khẩu, đầu tư phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu của thị trường trong nước;

Năm 2020, Công ty lên kế hoạch tiếp cận và phát triển thị trường các nước thành viên CPTPP. Đồng thời, Savimex đang tiếp tục phát triển thêm thị trường EU nhờ lợi thế của hiệp định EVFTA;

Khai thác hiệu quả các dự án bất động sản hiện tại của Công ty;

Quản lý hiệu quả chi phí vận hành nội bộ của Công ty đồng thời soát xét quy chế quản trị nội bộ công ty và nâng cao hiệu quả thực hiện quản trị Công ty theo quy định pháp luật hiện hành;

Tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị nhằm đóng góp cho sự phát triển Công ty.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Kim Jung Heon	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	Thành viên điều hành
3	Kim Soung Gyu	Thành viên	Thành viên không điều hành
4	Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên	Thành viên điều hành
5	Trần Như Tùng	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên	Thành viên độc lập
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	Thành viên độc lập

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT
1	Kim Jung Heon	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	03/04/2015
2	Lim Hong Jin	Phó chủ tịch HĐQT	10/10	100%	03/04/2015
3	Kim Soung Gyu	Thành viên HĐQT	10/10	100%	25/04/2014
4	Trần Như Tùng	Thành viên HĐQT	10/10	100%	25/04/2014
5	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên HĐQT	10/10	100%	25/04/2014
6	Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên HĐQT	10/10	100%	04/04/2018
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên HĐQT	07/07	100%	04/04/2019
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên HĐQT	07/07	100%	04/04/2019



Các Nghị quyết, Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
Các Nghị quyết			
1	01/2019/NQ-HĐQT	25/01/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ.
2	02/2019/NQ-HĐQT	14/03/2019	Thông qua KQKD 2018 sau kiểm toán; Báo cáo tình hình đề cử ứng viên HĐQT cho NK 2019-2024.
3	03/2019/NQ-HĐQT	03/04/2019	Ủy quyền Ông Lim Hong Jin giữ chức chủ tọa tại ĐHCĐ 2019.
4	04/2019/NQ-HĐQT	26/04/2019	Bầu chủ tịch và phó chủ tịch nhiệm kỳ mới; Thành lập Ủy ban kiểm toán.
5	05/2019/NQ-HĐQT	25/09/2019	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp cầm cố tại ngân hàng BIDV.
6	06/2019/NQ-HĐQT	01/10/2019	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp cầm cố tại Ngân hàng Vietcombank.
7	07/2019/NQ-HĐQT	12/12/2019	Ước kết quả kinh doanh 2019 và kế hoạch 2020; Xóa các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng.
Các Quyết định			
1	01/2019/QĐ-HĐQT	11/04/2019	Thông qua việc triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức.
2	02/2019/QĐ-HĐQT	02/05/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức.
3	03/2019/QĐ-HĐQT	19/06/2019	Tăng vốn điều lệ của công ty lên 139.237.730.000 đồng.

Đào tạo về quản trị Công ty

Các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp giấy chứng nhận:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về Công bố thông tin theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN 2016:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT

Tham gia các khóa học về kiểm toán nội bộ do Viện thành viên HĐQT (VIOD) tổ chức bao gồm:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT



Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm 03 thành viên, trong đó:

Bà Nguyễn Thị Thu Yến (Thành viên độc lập HĐQT) – Trưởng ban

Bà Ngô Thị Yến Trang (Thành viên độc lập HĐQT) – Phó Trưởng ban

Bà Huỳnh Thị Thu Sa (Thành viên HĐQT không điều hành) – Thành viên

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đang xây dựng điều lệ, chương trình hành động và dự kiến trình HĐQT trong cuộc họp quý 1/2020 để có căn cứ hoạt động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù Lao	Thưởng
Hội đồng quản trị				
1	Kim Jung Heon	126.360.000		
2	Lim Hong Jin	126.360.000		
3	Kim Soung Gyu	126.360.000		
4	Mai Thị Huyền Thanh	94.770.000		
5	Trần Như Tùng	126.360.000		
6	Huỳnh Thị Thu Sa	126.360.000		
7	Nguyễn Thị Thu Yến	81.000.000		
8	Ngô Thị Yến Trang	63.000.000		
Ban kiểm soát				
1	Phạm Thị Thanh Thủy	9.000.000		
2	Nguyễn Thanh Sơn	9.000.000		
3	Kim Dong Ju	9.000.000		
Ban điều hành				
1	Lim Hong Jin	4.641.895.502	749.636.914	
2	Song Jun Hong	3.620.038.288	603.137.634	
3	Mai Thị Huyền Thanh	436.727.273	113.484.848	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lee Eun Hong	Đại diện vốn Eland Asia	5.447.310	41,02%	5.719.674	41,08%	Công ty trả cổ phiếu thưởng bằng cổ phiếu
2	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	Người liên quan của người nội bộ	2.711.474	20,42%	2.847.047	20,45%	Công ty trả cổ phiếu thưởng bằng cổ phiếu





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm được liệt kê qua bảng thống kê sau đây:

Thành phần chủ yếu	Đơn vị tính	Số lượng	Khả năng tái chế	
			Có	Không
Cao su ghép	m3	4,327		x
Gỗ các loại	m3	9,390	x	
	Pcs	611,446	x	
Laminate	tấm	20,147		x
Melamine	tấm	7,587		x
	M	719,600		x
Veneer	m2	470,506		x
Các loại ván khác	m3	7,391		
	Pcs	2,767,502		x
	tấm	53,950		
Dung môi	Lít	575,000		x
Sơn các loại	Kg	654,000		x
Keo	Kg	152,570		x
Khung sắt	Cái	25,420		x
Tay nắm	Cái	35,635		x
Bản lề	Cái	72,869		x

Quản lý về chất lượng

Nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu về chất lượng, mẫu mã nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, Công ty luôn duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, FSC, SA8000,...

Nâng cấp và đổi mới quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ đầu đến khi xuất sản phẩm, từ đó phát hiện được sản phẩm lỗi ngay trong quá trình sản xuất và tăng mức độ yên tâm cho khách hàng.



Tiêu thụ nước

Nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh, cũng như để đáp ứng các yêu cầu trong Giấy phép khai thác nước ngầm, Công ty đã thực hiện việc tái sử dụng nước nhiều lần tại các công đoạn sơn sản phẩm bằng buồng sơn màng nước và đồng thời kiểm tra, bổ sung nước định kỳ cho các buồng sơn. Ước tính tỷ lệ tái sử dụng nước lên đến 80%.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện công tác tuyên truyền ý thức tiết kiệm nước cho công nhân các xưởng, xí nghiệp và đơn vị trực thuộc như: sử dụng lượng nước vừa đủ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; khoá nước cẩn thận sau khi sử dụng; thông báo đến bộ phận chuyên trách nếu phát hiện hư hỏng thiết bị nước để khắc phục kịp thời hạn chế thất thoát tài nguyên nước,...

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Xử lý chất thải

Trong năm 2019, các công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại các Nhà máy, xí nghiệp trực thuộc Công ty được thực hiện thường xuyên, liên tục như: Vận hành các công trình, biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại thường xuyên, liên tục; Ghi chép, thống kê lưu lượng khai thác nước dưới đất; Ghi chép, thống kê lưu lượng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; Chuyển giao chất thải rắn và chất thải đúng quy định.

Chất thải rắn và nguy hại được thải ra trong quá trình sản xuất được thu gom đúng nơi quy định và có ký kết hợp đồng với các công ty có chức năng xử lý để bàn giao và vận chuyển đúng nơi quy định. Chất thải từ nguyên liệu gỗ đã được sử dụng để làm chất đốt thân thiện với môi trường.

Thực hiện quan trắc, giám sát nguồn thải và môi trường xung quanh định kỳ: Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2019 thì hầu hết các thông số ô nhiễm trong các nguồn thải của các Nhà máy, xí nghiệp trực thuộc đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép.



Với sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của các cán bộ, công nhân viên trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nhà máy Tinh chế Đồ gỗ Xuất khẩu (Satimex) Quận 12 và Chi nhánh Thủ Đức không xảy ra vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường trong năm 2019.

Tiêu thụ năng lượng

STT	Tên đơn vị	Lượng điện tiêu thụ (KW.h)	Chi phí điện tiêu thụ (VND)
1	Nhà máy Satimex Quận 12	5,425,784	10,570,331,826
2	Nhà máy Satimex Thủ Đức	1,446,713	3,975,121,319
3	Xí nghiệp bao bì Savipack	19,032	371,272,321
Tổng cộng		6,891,529	14,916,725,466

Áp dụng phần mềm lưu trữ đám mây dropbox để lưu và triển khai thông tin sản xuất, hạn chế thấp nhất việc sử dụng giấy để tránh lãng phí văn phòng phẩm;

Đầu tư máy dán cạnh tự động thay thế các máy dán cạnh thủ công cũ tốn hao nhiều điện năng;

Cải thiện hệ thống điện, loại bỏ các thiết bị kém an toàn gây lãng phí điện năng. Các cơ sở vật chất (điều hòa, máy tính, ...) được lựa chọn từ những sản phẩm tiết kiệm điện năng tối ưu;

Tăng cường thực hiện 5S nhằm giải quyết tình trạng lãng phí trong quá trình sản xuất của Công ty;

Để khuyến khích nhân viên phát huy sáng kiến góp phần vào sự phát triển chung của toàn Công ty, SAVIMEX đã tổ chức chương trình sáng tạo cải tiến. Với mức thưởng cao, chương trình không chỉ động viên các cá nhân và tập thể tìm tòi sáng kiến cải tiến mà còn mang lại lợi ích cho Công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Về trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Xây dựng hệ thống hút bụi từ các giai đoạn sản xuất đến chà láng bề mặt gỗ vào túi vải và đưa đi xử lý để không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Công ty đã bố trí bộ phận chuyên trách thường xuyên kiểm tra hằng ngày về tình hình phát sinh bụi, nước thải để có biện pháp xử lý kịp thời tránh để gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh.

Công ty đã thuê đơn vị chuyên môn tiến hành thay thế lõi lọc kết hợp nâng pH, sửa chữa, thay thế hệ thống đèn UV khử trùng định kỳ nhằm đảm bảo quá trình hoạt động bình thường của hệ thống xử lý nước uống.

Kiểm tra định kỳ các bình khí nén, xe nâng, thường xuyên tập huấn về an toàn lao động – bảo hộ lao động, sơ cấp cứu cho cán bộ nhân viên.



Savimex cam kết duy trì và không ngừng nâng cao các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, trách nhiệm đối với người lao động, thông qua:

- (i) Phát triển hệ thống trách nhiệm xã hội SA 8000;
- (ii) Xây dựng nhà lưu trú cho CBNV;
- (iii) Đóng góp cho các chương trình từ thiện như trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, hiến máu nhân đạo,...;
- (iv) Tặng quà cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập công ty;
- (v) Hỗ trợ CBNV mắc bệnh hiểm nghèo;
- (vi) Quà tặng Tết yêu thương cho các công nhân nghèo có hoàn cảnh khó khăn Tết 2019-2020.



Với chính quyền

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Savimex luôn tuân thủ các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật. Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước và thực hiện theo các chủ trương của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng quyết định đến định hướng, kế hoạch phát triển bền vững của Công ty.

SAVIMEX là doanh nghiệp chuyên kinh doanh sản xuất và xuất nhập khẩu các sản phẩm thương mại đồ gỗ nên yêu cầu về lực lượng lao động có chuyên môn và tay nghề nhằm tương tác hiệu quả với sản phẩm và là bàn đạp để Công ty đẩy mạnh kế hoạch đa dạng hóa sản phẩm gỗ ở thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt là có cơ hội mở rộng thị phần mới.

Do vậy, để duy trì lực lượng lao động như trên cũng như thu hút thêm nguồn lực mới, Ban lãnh đạo đã phối hợp với cán bộ chuyên trách tuyển dụng xây dựng chính sách nhân sự phù hợp với tình hình thực tế của thị trường. Đồng thời, Công ty còn tổ chức chương trình đào tạo, training cho đội ngũ mới vào nhằm tạo điều kiện hòa nhập nhanh với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên.



Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần làm việc đối với khối văn phòng, 48 giờ/tuần đối với khối sản xuất và khối phụ trợ. Các chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.



Chính sách tuyển dụng

Đảm bảo chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và phù hợp với quy định của Nhà nước;

Ưu tiên tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo thành nhân sự cốt lõi, đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của Công ty;

Thu hút những nhân sự có kinh nghiệm trong ngành, đặc biệt là các nhân sự ở cấp độ Quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty;

Đối với công nhân, Công ty đã chú trọng việc đào tạo nghề và đầu tư khu nhà ở đầy đủ tiện nghi cho công nhân. Điều này góp phần ổn định lực lượng lao động của Công ty.





Chính sách đào tạo

Đào tạo khả năng thuyết trình: Sau buổi họp giao ban hằng tuần, các CBNV sẽ trình bày trước các thành viên khác từ một đến hai chủ đề an toàn lao động hoặc các vấn đề thuộc phạm vi công việc của mình. Các chủ đề sẽ nhận được các ý kiến góp ý về các thức và nội dung và nhằm mục đích để các thành viên của Công ty nắm chắc hơn về kiến thức, có thêm kinh nghiệm quản lý, cách thức xử lý tình huống mà những người từng trải qua truyền đạt lại;

Nâng cao khả năng ngoại ngữ: Tổ chức các buổi training nhằm giúp những CBNV có môi trường sử dụng Tiếng Hàn, giúp việc giải quyết công việc được dễ dàng hơn. Tuyển dụng thành viên mới là khả năng ngoại ngữ tốt ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, bên cạnh đó tăng cường kỹ năng mềm giao tiếp bằng ngoại ngữ để trao đổi công việc đối với các nhân sự người nước ngoài;

Cập nhật, tập huấn hệ thống quy trình quản lý, các hệ thống văn bản pháp luật, bảng biểu và các chuyên đề huấn luyện phù hợp với tình hình mới của Công ty;

Phát động cuộc thi cải tiến sản xuất với những giải thưởng hấp dẫn để CBNV tìm tòi, phát huy khả năng sáng tạo giúp tăng năng lực sản xuất của Công ty.



STT	Nội dung đào tạo	Thời gian	Số lượng
1	Đào tạo đội ngũ kế thừa – F2 training	40 giờ	29 CB
2	Đào tạo vận hành CNC	36 giờ	20 NV
3	Đào tạo nhận thức ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và SA 8000:2014	16 giờ	119 CBNV
4	Đào tạo phát triển tài năng trẻ TMT	32 giờ	23 NV
5	Lớp Ngôn ngữ Hàn	234 giờ	15 CB
6	Sơ cấp cứu	4 giờ	40 NV
7	Đào tạo an toàn lao động	16 giờ	218 CBNV
8	Đào tạo thực tập Phương án PCCC, cứu hộ, cứu nạn	9 giờ	30 CBNV



Chính sách lương thưởng

SAVIMEX luôn đảm bảo tuân thủ quy định mức lương tối thiểu của Nhà nước và phù hợp với năng lực, đóng góp của CBCNV. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng các chính sách khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giúp tạo động lực để người lao động phấn đấu trong công việc.



Chính sách phúc lợi

100% CBCNV được khám sức khỏe định kỳ;
100% CBCNV được hưởng chính sách bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nghề nghiệp;
Tổ chức đi du lịch xa cho CBCNV 1 năm/ lần;
Bố trí xe đưa rước cho các cán bộ cấp Quản lý.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

non-current assets
property, plant and equipment
tangible assets
subsidiaries
associates
investments
receivables

	Note		GROUP
			(re)
		50,161	
		116	
		-	
		22,251	
		1,933	
		737	
		579	
		75,777	
		27,790	
		122,857	
		1,027	
		30,361	



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 18, ngày 05/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 139.237.730.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 139.237.730.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh và chế biến gỗ, kinh doanh xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh chế biến gỗ, sản xuất bao bì, trang trí nội thất, xây dựng và kinh doanh địa ốc.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị:

+ Ông Kim Jung Heon	Chủ tịch
+ Ông Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch
+ Ông Kim Soung Gyu	Thành viên
+ Bà Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên
+ Ông Trần Như Tùng	Thành viên
+ Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
+ Bà Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên
+ Bà Ngô Thị Yến Trang	Thành viên

Ban Giám đốc:

+ Ông Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc
+ Ông Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện theo pháp luật:

Ông Lim Hong Jin

Kế toán trưởng:

Bà Mai Thị Huyền Thanh

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VII. CAM KẾT KHÁC

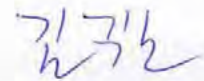
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

Duyệt, ngày 20 tháng 03 năm 2020

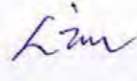
Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Kim Jung Heon

Duyệt, ngày 20 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lim Hong Jin

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX, được lập ngày 11 tháng 03 năm 2020, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Trưởng Kiểm toán viên



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0479-2018-142-1



Kiểm toán viên



Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.287.981.337	310.847.353.376
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.014.308.420	12.316.791.062
1. Tiền	111		17.786.046.776	2.316.791.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.228.261.644	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.472.027.719	86.642.261.619
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	73.545.987.787	117.892.704.483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.153.871.180	5.431.971.217
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.547.867.845	7.580.531.984
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(16.775.699.093)	(44.262.946.065)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	109.430.197.851	124.874.742.610
1. Hàng tồn kho	141		125.593.137.459	134.272.652.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16.162.939.608)	(9.397.910.045)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.371.447.347	67.013.558.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.306.267.626	2.327.961.774
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.371.550.471	63.991.967.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.15	693.629.250	693.629.250
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.855.976.716	198.339.409.360
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		544.800.002	537.600.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	150.000.002	-

7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	394.800.000	537.600.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.637.941.515	66.473.630.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	62.568.313.710	62.431.468.004
- Nguyên giá	222		200.705.793.283	188.740.628.989
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(138.137.479.573)	(126.309.160.985)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.069.627.805	4.042.162.020
- Nguyên giá	228		7.024.133.449	6.934.883.449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.954.505.644)	(2.892.721.429)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	14.751.055.298	15.392.449.202
- Nguyên giá	231		20.153.227.987	20.153.227.987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.402.172.689)	(4.760.778.785)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	98.003.261.888	101.732.811.245
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		86.088.980.463	89.966.393.636
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.914.281.425	11.766.417.609
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	11.094.597.127	11.094.597.127
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.120.448.561	13.120.448.561
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.025.851.434)	(2.025.851.434)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.824.320.886	3.108.321.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.824.320.886	3.108.321.762
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		515.143.958.053	509.186.762.736

8

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		243.706.930.508	253.051.384.947
I. Nợ ngắn hạn	310		238.140.603.786	247.256.693.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	84.678.329.999	84.920.201.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.159.582.662	19.482.221.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	19.669.089.246	2.933.977.560
4. Phải trả người lao động	314		29.902.258.346	17.522.692.164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.066.915.080	7.483.618.648
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	113.645.456	122.796.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.619.600.198	10.307.457.786
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	60.306.453.590	101.926.857.311
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.235.527.122	321.735.908
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		5.389.202.087	2.235.134.545
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.566.326.722	5.794.691.128
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	3.213.383.825	3.213.383.825
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	2.352.942.897	2.581.307.303
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.437.027.545	256.135.377.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	271.437.027.545	256.135.377.789
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		139.237.730.000	132.798.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		139.237.730.000	132.798.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.064.398.566	61.503.268.566
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ(*)	415		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.881.607.088	13.881.607.088
9. Quỹ hỗ trợ xấp xỉ doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		906.580.510	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.224.093.558	27.829.024.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.854.063.760	9.697.414.103
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.370.029.798	18.131.610.209
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		27.437.898.919	27.437.898.919
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		515.143.958.053	509.186.762.736

Lập, ngày 11 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Nga

Kế toán trưởng

Mai Thị Huyền Thanh

Tổng Giám đốc

Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	871.154.047.705	706.750.549.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	637.710.884	464.850.378
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		870.516.336.821	706.285.698.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	743.662.174.625	628.459.843.697
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		126.854.162.196	77.825.855.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.450.572.481	4.249.102.393
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.866.737.464	6.259.247.092
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.592.232.663	3.045.193.224
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.1	22.644.521.428	19.111.580.676
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.2	62.111.520.925	36.601.228.590
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		42.681.954.860	20.102.901.229
11. Thu nhập khác	31	VI.6	905.833.648	1.058.987.692
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.210.695.892	392.571.721
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.304.862.244)	666.415.971
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.377.092.616	20.769.317.200
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	11.007.062.818	2.637.706.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.370.029.798	18.131.610.209
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.12	1.923	1.153
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.13	1.923	1.153

Lập, ngày 11 tháng 03 năm 2020

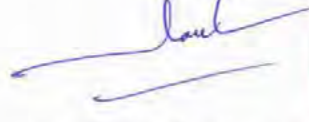
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huỳnh Nga



Mai Thị Huyền Thanh




Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.377.092.616	20.769.317.200
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.062.502.921	11.805.149.014
- Các khoản dự phòng	03		(13.808.426.195)	1.495.266.356
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		205.300.904	(66.049.343)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.003.117.687)	(2.088.045.283)
- Chi phí lãi vay	06		2.592.232.663	3.045.193.224
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.425.585.222	34.960.831.163
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		45.370.167.515	(13.408.583.360)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		12.556.928.369	(19.431.814.569)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		11.176.650.611	817.851.845
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.305.695.024	(1.311.419.691)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.611.848.320)	(3.032.354.564)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.563.430.591)	(74.276.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.659.747.830	(1.479.765.577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.132.535.021)	(11.728.301.867)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		590.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		24.549.999.998	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	18.806.700.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.928.704.979	2.064.031.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.237.079.047	9.142.429.717

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		406.443.999.631	381.722.040.645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(448.216.083.191)	(381.162.724.657)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.426.605.775)	(6.135.420.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.198.689.335)	(5.576.104.512)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		54.698.137.542	2.086.559.628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	12.316.791.062	10.231.787.728
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(620.184)	(1.556.294)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	67.014.308.420	12.316.791.062

Người lập biểu

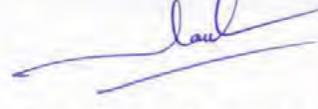
Kế toán trưởng

Lập, ngày 11 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huỳnh Nga



Mai Thị Huyền Thanh




Lâm Hồng Jin

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 18, ngày 05/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 139.237.730.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 139.237.730.000 VND
Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh và chế biến gỗ, kinh doanh xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh chế biến gỗ, sản xuất bao bì, trang trí nội thất, xây dựng và kinh doanh địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2019

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

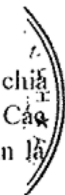
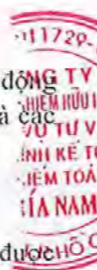
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2019*

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2019*

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 17 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Chương trình phần mềm	07 năm
- TSCĐ hữu hình khác	07 - 10 năm
- Bất động sản đầu tư	31 - 33 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

1172
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KẾ TÍNH KẾ
KIỂM TRA
PHẦN NA
T.P.H.C.M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2019*

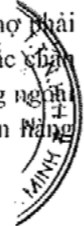
Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2019***11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2019

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

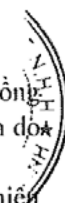
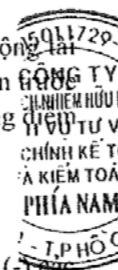
14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính**a. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

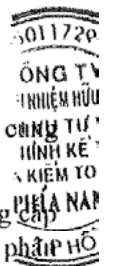
Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	283.309.165	117.123.827
Tiền mặt VND	253.796.771	102.069.034
Tiền mặt USD	29.512.394	15.054.793
Tiền gửi ngân hàng	17.502.737.611	2.199.667.235
Tiền gửi VND	1.127.892.568	1.115.724.235
Tiền gửi ngoại tệ	16.374.845.043	1.083.943.000
Các khoản tương đương tiền	49.228.261.644	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng (1 tháng)	49.228.261.644	10.000.000.000
Tổng cộng	67.014.308.420	12.316.791.062

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Số cuối kỳ
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam	VPBFC/CCTG-7506/2019	27/12/2019	28/12/2020	9,00%	10.000.000.000

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	13.120.448.561	(2.025.851.434)	11.094.597.127	13.120.448.561	(2.025.851.434)	11.094.597.127

Ghi chú: Đây là khoản đầu tư ra nước ngoài vì vậy Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư này theo thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>		
Công ty TNHH Japan New Furniture Việt Nam	3.149.928.663	1.949.298.772
Công ty CP Dệt May ĐT-TM Thành Công	388.088.649	450.312.989
Công ty CP XDCT và Địa Ốc Hồng Quang	-	5.700.000.000
MZM Contract and Home Furnishing PTE Ltd	30.030.672.433	33.790.740.000
Công ty CP ĐTXD & Máy Thêu Tân Tiến	7.997.581.736	7.997.581.736
Công ty TNHH Scancom Việt Nam	2.946.924.550	1.759.201.328
Mazma Marketing Sdn Bhd (462852-H)	-	51.068.593
Pgm Products Llc	-	24.777.686.788
Butsurin Co., Ltd	701.546.572	1.649.793.750
Sati Furniture Pte. Ltd (Singapore)	2.819.558.660	548.844.123
MH&CO.,Ltd	5.156.095.210	10.113.644.373
Zinus INC.	9.291.595.738	636.033.117
Các đối tượng khác	11.063.995.576	28.468.498.882
Tổng cộng	73.545.987.787	117.892.704.483

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
- Nguyễn Văn Toàn	150.000.002	-
Cộng	150.000.002	-

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn	6.547.867.845	5.581.152.637	7.580.531.984	1.217.105.758
- Ký cược, ký quỹ	114.807.377	-	114.597.989	-
- Tạm ứng	64.811.992	-	58.313.247	-
Trương Công Tâm	-	-	20.000.000	-
Nguyễn Thị Bé	10.377.000	-	8.000.000	-
Võ Thị Xuân	10.000.000	-	-	-
Hồ Thanh Tuấn	-	-	3.460.000	-
Các đối tượng khác	44.434.992	-	26.853.247	-
- Phải thu khác	6.368.248.476	5.581.152.637	7.407.620.748	1.217.105.758
+ Cty CP. ĐTXD và Máy thêu Tân Tiến	5.111.236.390	5.111.236.390	5.111.236.390	-
+ Ban Quản Lý DA Khu DC Bình Hòa	-	-	866.395.624	866.395.624
+ Cty CP Điện lực Sài Gòn ViNa	177.899.725	177.899.725	177.899.725	-
+ Các đối tượng khác	1.079.112.361	292.016.522	1.252.089.009	350.710.134
5.2. Dài hạn	394.800.000	-	537.600.000	-
- Tiền đặt cọc thuê nhà trọ cho công nhân	394.800.000	-	537.600.000	-
Cộng	6.942.667.845	5.581.152.637	8.118.131.984	1.217.105.758

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	16.775.699.093	13.935.961.441	44.262.946.065	5.700.000.000
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Công ty CP XDCT và Địa Ốc Hồng Quang	-	-	5.700.000.000	5.700.000.000
+ Maszma Marketing Sdn Bhd	-	-	176.670.257	-
+ Pgm Products Llc	-	-	24.776.080.848	-
+ Traba Industries	-	-	5.981.891.426	-
+ C&V Resource Services, llc	-	-	1.912.477.085	-
+ Công ty CP Đầu Tư XD & May Thêu Tân Tiến	13.108.818.126	13.108.818.126	-	-
+ Công ty TNHH Xây Dựng Võ Đình	509.532.131	509.532.131	-	-
+ Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	317.611.184	317.611.184	-	-
+ Các đối tượng khác	2.839.737.652	-	5.715.826.449	-
Cộng	16.775.699.093	13.935.961.441	44.262.946.065	5.700.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	62.899.779.940	4.321.455.646	63.258.498.905	2.297.138.161
- Công cụ, dụng cụ	92.873.768	27.348.890	92.099.336	-
- Chi phí SXKD dở dang	24.333.697.361	759.828.726	25.131.389.492	759.828.726
- Thành phẩm	36.753.398.277	9.698.371.073	44.262.061.781	5.476.963.453
- Hàng hóa	1.513.388.113	1.355.935.273	1.528.603.141	863.979.705
Cộng	125.593.137.459	16.162.939.608	134.272.652.655	9.397.910.045

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	86.088.980.463	86.088.980.463	89.966.393.636	89.966.393.636
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Cao Ốc Nguyễn phúc Nguyên - Quận 3	36.666.716	36.666.716	36.666.716	36.666.716
+ KDC Phú Thuận - Quận 7	494.003.013	494.003.013	4.449.896.613	4.449.896.613
+ Chung cư Ngọc Lan - Quận 7	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024
+ Dự án Đào Trí - Quận 7	69.513.408.488	69.513.408.488	69.513.408.488	69.513.408.488
+ KDC Tân Thời Hiệp - Quận 12	1.428.132	1.428.132	1.428.132	1.428.132
+ KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh	6.347.630.035	6.347.630.035	6.269.149.608	6.269.149.608
+ Công trình Trường Cán Bộ- TP.HCM	184.108.055	184.108.055	184.108.055	184.108.055
- Xây dựng cơ bản dở dang	11.914.281.425	11.914.281.425	11.766.417.609	11.766.417.609
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Mua sắm	27.732.000	27.732.000	-	-
+ Xây dựng cơ bản	11.886.549.425	11.886.549.425	11.766.417.609	11.766.417.609
+ Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	98.003.261.888	98.003.261.888	101.732.811.245	101.732.811.245

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của Công ty là các dự án, các công trình đang thi công... nên tồn rất nhiều thời gian thực hiện, do đó không thể hoàn thành trong 1 chu kỳ, sản xuất kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	56.750.318.608	120.454.689.280	8.706.939.665	1.682.244.361	1.146.437.075	188.740.628.989
Số tăng trong năm	697.446.734	11.386.954.987	384.576.300	40.061.727	475.547.273	12.984.587.021
- Mua trong kỳ	697.446.734	11.386.954.987	384.576.300	40.061.727	475.547.273	12.984.587.021
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm			1.019.422.727			1.019.422.727
- Thanh lý, nhượng bán			1.019.422.727			1.019.422.727
- Tạo ra từ nội bộ						
Số dư cuối năm	57.447.765.342	131.841.644.267	8.072.093.238	1.722.306.088	1.621.984.348	200.705.793.283
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	47.052.466.091	69.967.828.506	6.910.165.433	1.592.810.379	785.890.576	126.309.160.985
Số tăng trong năm	1.372.082.177	10.445.137.033	449.671.636	27.509.751	64.924.205	12.359.324.802
- Khấu hao trong năm	1.372.082.177	10.445.137.033	449.671.636	27.509.751	64.924.205	12.359.324.802
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm			531.006.214			531.006.214
- Thanh lý, nhượng bán			531.006.214			531.006.214
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	48.424.548.268	80.412.965.539	6.828.830.855	1.620.320.130	850.814.781	138.137.479.573
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.697.852.517	50.486.860.774	1.796.774.232	89.433.982	360.546.499	62.431.468.004
Tại ngày cuối năm	9.023.217.074	51.428.678.728	1.243.262.383	101.985.958	771.169.567	62.568.313.710
Ghi chú:						
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay				26.862.601.467		đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				84.878.401.918		đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	-	6.934.883.449
Số tăng trong năm	-	-	-	-	89.250.000	89.250.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	89.250.000	89.250.000
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm						
- Giảm do góp vốn	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	89.250.000	7.024.133.449
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	223.322.729	-	-	2.669.398.700	-	2.892.721.429
Số tăng trong năm	-	-	-	56.825.882	4.958.333	61.784.215
- Khấu hao trong năm	-	-	-	56.825.882	4.958.333	61.784.215
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	223.322.729	-	-	2.726.224.582	4.958.333	2.954.505.644
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.797.002.771	-	-	245.159.249	-	4.042.162.020
Tại ngày cuối năm	3.797.002.771	-	-	188.333.367	84.291.667	4.069.627.805
Ghi chú:						
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				2.163.557.949		đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4.760.778.785	641.393.904	-	5.402.172.689
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.760.778.785	641.393.904	-	5.402.172.689
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	15.392.449.202	(641.393.904)	-	14.751.055.298
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	15.392.449.202	(641.393.904)	-	14.751.055.298
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1. Ngắn hạn		
- CCDC xuất dùng	468.349.578	1.245.440.740
- Chi phí bảo trì, sửa chữa, xây lắp, cải tạo, phục hồi	90.341.669	644.788.955
- Chi phí đồng phục	337.120.008	380.464.000
- Chi phí bảo hiểm	-	28.601.393
- Chi phí tuyển dụng	184.323.000	-
- Chi phí khác	226.133.371	28.666.686
Cộng	1.306.267.626	2.327.901.774
12.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	881.448.718	628.040.205
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt, cải tạo, thi công	1.604.236.073	1.975.659.893
- Chi phí phần mềm	227.691.662	269.211.666
- Chi phí khác	110.944.433	235.409.998
Cộng	2.824.320.886	3.108.321.762

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng	60.306.453.590	60.306.453.590	406.595.679.470	448.216.083.191	101.926.857.311	31.568.644.449
+ Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	32.578.030.528	32.578.030.528	181.143.900.284	180.134.514.205	31.568.644.449	31.568.644.449
+ Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hóc Môn	27.728.423.062	27.728.423.062	225.451.779.186	268.081.568.986	70.358.212.862	70.358.212.862
Tổng cộng	60.306.453.590	60.306.453.590	406.595.679.470	448.216.083.191	101.926.857.311	101.926.857.311

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Vietcombank - TP.HCM là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm
0107/1828/N-CTD	04/11/2019	12 tháng	180.000.000.000	theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	32.578.030.528
Cộng					32.578.030.528

Hình thức đảm bảo khoản vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q553359 do UBND Tp HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0126/1828/TCDN1 ngày 29/10/2018.

35



CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

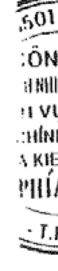
Đơn vị tính: VND

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hóc Môn là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm
01/2019/93890/HĐTD	06/11/2019	12 tháng	100.000.000.000	theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	27.728.423.062
Cộng					27.728.423.062

Hình thức đảm bảo khoản vay: Hợp đồng thế chấp số 02/2016/93890/HĐBĐ ngày 14/07/2016 toàn bộ máy móc thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2013, Hợp đồng thế chấp số 32/2015/93890/HĐBĐ ngày 24/2/2016, phụ lục số 01/2017/93890/SDBS: thế chấp quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số BX 134930 số vào sổ cấp GCN CT 42198 cấp ngày 14/2/2005, thửa đất số: 143, tờ bản đồ số 29, vị trí Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, TP. HCM (Lô C6), diện tích: 10.757,1 m2, Hợp đồng thế chấp số 01/2018/93890/HĐBĐ ngày 09/02/2018: thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2018

36



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
18.1. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước theo hợp đồng cho thuê kho	113.645.456	122.796.000
Cộng	113.645.456	122.796.000
18.2. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước theo HĐ bán căn hộ chung cư Ngọc Lan	3.213.383.825	3.213.383.825
Cộng	3.213.383.825	3.213.383.825

Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng

Đối tượng	Hợp đồng	Số cuối năm
Lý Trường Chiến	04/SAV/TTXD/HĐ-NL	3.213.383.825

Ghi chú: khách hàng không đồng ý nhận căn hộ do chưa thống nhất về vị trí của căn hộ.**CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019

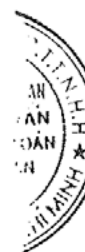
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	126.666.110.000	67.636.018.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	-	27.437.898.919	19.091.038.981	247.397.392.458
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	18.131.610.209	18.131.610.209
- Tăng vốn trong năm trước	6.132.750.000	-	-	-	-	-	-	6.132.750.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.135.420.500)	-	(6.135.420.500)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(3.258.204.378)	-	(3.258.204.378)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	(3.258.204.378)	-	(3.258.204.378)
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thường	-	(6.132.750.000)	-	-	-	-	-	(6.132.750.000)
Số dư cuối năm trước	132.798.860.000	61.503.268.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	-	27.437.898.919	27.829.024.312	256.135.377.789
(Số dư đầu kỳ năm nay)	132.798.860.000	61.503.268.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	-	27.437.898.919	27.829.024.312	256.135.377.789
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	25.370.029.798	25.370.029.798
- Tăng vốn trong năm nay	6.438.870.000	-	-	-	-	-	-	6.438.870.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.442.058.000)	-	(6.442.058.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	906.580.510	-	-	(4.532.902.552)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-	(3.626.322.042)
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	906.580.510	-	(906.580.510)	-
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thường	-	(6.438.870.000)	-	-	-	-	-	(6.438.870.000)
Số dư cuối kỳ	139.237.730.000	55.064.398.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	906.580.510	27.437.898.919	42.224.093.558	271.437.027.545



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- E.Land Asia Holdings (Singapore)	57.196.740.000	54.473.100.000
- Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	28.470.470.000	27.114.740.000
- Các cổ đông khác	53.570.520.000	51.211.020.000
Cộng	139.237.730.000	132.798.860.000
(*) Thặng dư vốn cổ phần	55.064.398.566	61.503.268.566
(*) Cổ phiếu ngân quỹ (số lượng: 395.770 CP)	(7.315.281.096)	(7.315.281.096)

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	132.798.860.000	126.666.110.000
+ Vốn góp tăng trong năm	6.438.870.000	6.132.750.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	139.237.730.000	132.798.860.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(6.442.058.000)	(6.135.420.500)

19.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.923.773	13.279.886
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.923.773	13.279.886
+ Cổ phiếu phổ thông	13.923.773	13.279.886
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	395.770	395.770
+ Cổ phiếu phổ thông	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.003	12.884.116
+ Cổ phiếu phổ thông	13.528.003	12.884.116
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	13.881.607.088	13.881.607.088
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	906.580.510	-

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	709.837,54	47.467,35

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	3.119.080.861	9.714.430.332
- Doanh thu bán nội thất gỗ	818.541.812.363	639.573.040.311
- Doanh thu bán bao bì	20.295.766.562	24.870.747.851
- Doanh thu bán bất động sản	14.127.373.819	17.160.129.236
- Doanh thu cho thuê bất động sản	9.378.047.357	9.715.689.225
- Doanh thu khác	5.691.966.743	5.716.512.314
Cộng	871.154.047.705	706.750.549.269

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	637.710.884	464.850.378
Cộng	637.710.884	464.850.378

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	2.757.338.662	8.041.299.339
- Giá vốn bán nội thất gỗ	700.541.322.635	574.555.960.185
- Giá vốn bán bao bì	17.915.615.135	22.471.198.691
- Giá vốn bán bất động sản	14.172.144.001	15.558.779.874
- Giá vốn cho thuê bất động sản	1.985.412.769	3.626.580.593
- Giá vốn khác	6.290.341.423	4.206.025.015
Cộng	743.662.174.625	628.459.843.697

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.900.625.109	1.716.663.283
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.549.947.372	2.095.007.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	66.049.343
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	371.382.000
Cộng	4.450.572.481	4.249.102.393

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	2.592.232.663	3.045.193.224
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.069.203.897	3.227.110.351
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	205.300.904	-
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	(13.056.483)
+ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(13.056.483)
Cộng	3.866.737.464	6.259.247.092

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không phát sinh
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	406.443.999.631
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(448.216.083.191)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 10.757,1 m² tại cụm Công nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13.000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

b) Cam kết không hủy ngang: Không có

- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

- Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	Cổ đồng góp vốn
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
E Service Co.,LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Cổ đồng góp vốn
Eland Retail Limited	Công ty cùng tập đoàn
Eland World LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Construction Limited	Công ty cùng tập đoàn

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của HĐQT	897.570.000	621.000.000
Lương, thưởng của Ban GD	10.582.066.346	9.413.573.170

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Bán hàng	2.377.019.229	5.952.496.167
	Mua hàng	433.632.190	405.664.032
	Chia cổ tức	1.355.737.000	-
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Bán hàng	312.985.455	126.042.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty TNHH Eland Việt Nam	Bán hàng	3.295.932.421	2.975.497.103
	Phân chia lợi nhuận	-	969.168.000
	Doanh thu điện nước	-	135.505.360
E Service Co.,LTD.	Bán hàng	10.787.724.984	-
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Chia cổ tức	2.723.655.000	-
Eland Retail Limited	Bán hàng	3.696.232.771	-
Eland World LTD	Bán hàng	132.810.120	-
Eland Construction Limited	Bán hàng	129.415.161	-
	Phân chia lợi nhuận	176.739.984	-
	Doanh thu điện nước	9.434.360	-

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Phải thu	388.088.649	450.312.989
	Phải trả	-	433.030.400
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Phải thu	210.039.343	664.899.647

05/01/20
CÔNG
NHỆM
VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
PHIÊN
L.P.H

05/01/20
CÔNG
NHỆM
VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
PHIÊN
L.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh - Báo cáo bộ phận chính yếu

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như sau:

- + Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,
- + Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,
- + Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Phân chia lợi nhuận khai thác tòa nhà

	Sản xuất		Kinh doanh Bất động sản		Cung cấp dịch vụ khác		Tổng cộng	
	31/12/2019	VND	31/12/2019	VND	31/12/2019	VND	31/12/2019	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	500.305.009.706		9.262.315.512		5.576.632.836		515.143.958.053	
Tổng tài sản hợp nhất	500.305.009.706		9.262.315.512		5.576.632.836		515.143.958.053	
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	236.660.648.424		4.403.805.679		2.642.476.405		243.706.930.508	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	236.660.648.424		4.403.805.679		2.642.476.405		243.706.930.508	

47

b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019

	Sản xuất		Kinh doanh Bất động sản		Cung cấp dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Đơn vị tính: VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Đơn vị tính: VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Đơn vị tính: VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Đơn vị tính: VND
Tổng doanh thu	846.060.072.100		15.663.395.684		9.430.579.921		871.154.047.705	
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Các khoản giảm trừ	637.710.884		-		-		637.710.884	
Doanh thu thuần	845.422.361.216		15.663.395.684		9.430.579.921		870.516.336.821	
Tổng chi phí:	769.179.923.786		38.292.209.294		20.946.083.898		828.418.216.978	
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	725.749.888.852		14.737.991.344		3.174.294.429		743.662.174.625	
- Giá vốn	725.749.888.852		14.737.991.344		3.174.294.429		743.662.174.625	
Chi phí bán hàng không phân bổ	20.520.861.008		-		2.123.660.420		22.644.521.428	
Chi phí quản lý không phân bổ	22.909.173.926		23.554.217.950		15.648.129.049		62.111.520.925	
- Chi phí quản lý	22.909.173.926		23.554.217.950		15.648.129.049		62.111.520.925	
- Chi phí quản lý loại trừ bộ phận								
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	3.898.673.754		234.679		551.664.048		4.450.572.481	
Chi phí tài chính	3.150.194.871		8.447.866		708.094.727		3.866.737.464	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	76.990.916.313		(22.637.026.797)		(11.671.934.656)		42.681.954.860	
Lãi / Lỗ khác	(6.424.602.220)		(331.079.469)		450.819.445		(6.304.862.244)	
Lợi nhuận trước thuế	70.566.314.093		(22.968.106.266)		(11.221.115.211)		36.377.092.616	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.007.062.818		-		-		11.007.062.818	
Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại	-		-		-		-	
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	59.559.251.275		(22.968.106.266)		(11.221.115.211)		25.370.029.798	

b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

5. Quản lý rủi ro của Công ty:

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá

Giá trị ghi sổ các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản VND	Nợ phải trả VND
Tiền gửi có gốc ngoại tệ	16.374.845.043	
Tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ	-	
Công nợ phải thu, phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ	54.171.073.843	(13.359.321.883)
Cộng	70.545.918.886	(13.359.321.883)

Phân tích độ nhạy

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng dolla Mỹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam tăng 10% thì tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty sẽ tăng tương ứng như sau:

Tiền gửi ngoại tệ sau khi cần trừ	57.186.597.003
Tỷ giá tăng	10%
Thay đổi Lợi nhuận trước thuế	5.718.659.700

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo không đáng kể.

c. Rủi ro về giá**Rủi ro về giá cổ phiếu:**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	60.306.453.590	-	-	60.306.453.590
Phải trả người bán	84.678.329.999	-	-	84.678.329.999
Chi phí phải trả	8.066.915.080	-	-	8.066.915.080
Các khoản phải trả khác	2.619.600.198	2.352.942.897	-	4.972.543.095
Số đầu năm				
Vay và nợ	101.926.857.311	-	-	101.926.857.311
Phải trả người bán	84.920.201.911	-	-	84.920.201.911
Chi phí phải trả	7.483.618.648	-	-	7.483.618.648
Các khoản phải trả khác	10.307.457.786	2.581.307.303	-	12.888.765.089

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.014.308.420	12.316.791.062	67.014.308.420	12.316.791.062
Phải thu khách hàng	73.545.987.787	117.892.704.483	73.545.987.787	117.892.704.483
Trả trước cho người bán	5.153.871.180	5.431.971.217	5.153.871.180	5.431.971.217
Các khoản phải thu khác	6.942.667.845	8.118.131.984	6.942.667.845	8.118.131.984
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	84.678.329.999	84.920.201.911	84.678.329.999	84.920.201.911
Người mua trả tiền trước	20.159.582.662	19.482.221.986	20.159.582.662	19.482.221.986
Vay và nợ	60.306.453.590	101.926.857.311	60.306.453.590	101.926.857.311
Phải trả người lao động	29.902.258.346	17.522.692.164	29.902.258.346	17.522.692.164
Chi phí phải trả	8.066.915.080	7.483.618.648	8.066.915.080	7.483.618.648
Các khoản phải trả khác	4.972.543.095	12.888.765.089	4.972.543.095	12.888.765.089

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay

Không có

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Nga

Kế toán trưởng

Mai Thị Huyền Thanh

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2020
Tổng Giám đốc

Lim Hong Jin

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



SAVIMEX CORPORATION
Faster – Better – Cheaper



Lim

LIM HONG JIN